



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2025
(Từ 01/01/2025 - 31/12/2025)

Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP
Trụ sở: 193 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội
Số điện thoại: 024 6287 6666
Số fax: 024 6288 3333
Website: www.vimico.vn

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình phát triển
3. Ngành nghề, sản phẩm và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển của Tổng công ty Khoáng sản - TKV giai đoạn 2026-2030
6. Các rủi ro và quản trị rủi ro

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các Dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu đến 31/12/2025
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính và những đánh giá về tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị
2. Hoạt động của Hội đồng quản trị
3. Định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2026

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên đầy đủ: Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP
- Tên giao dịch quốc tế: Vinacomin - Minerals Holding Corporation
- Tên rút gọn: Tổng công ty Khoáng sản - TKV
- Tên viết tắt: VIMICO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0100103087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/7/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 26/5/2025.
- Vốn điều lệ: 2.000.000.000.000 đồng (Hai nghìn tỷ đồng)
- Địa chỉ: Số 193 đường Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân, TP Hà

Nội

- Số điện thoại: 024 6287 6666
- Số fax: 024 6288 3333
- Website: www.vimico.vn
- Mã cổ phiếu: **KSV**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP (tiền thân là Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam) là Tổng công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1118/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương).

Theo Quyết định số 345/2005/QĐ-TT ngày 26/12/2005 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam chuyển thành công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Ngày 27/04/2006, Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 12/2006/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Nhà nước số 0106000168, đăng ký sửa đổi bổ sung lần thứ 3 ngày 03/05/2007.

Theo Quyết định số 2449/QĐ-HĐQT ngày 8/11/2006 của Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam được đổi tên thành Tổng công ty Khoáng sản - TKV.

Theo Quyết định số 3169/QĐ-BCT ngày 15/6/2010 của Bộ Công Thương, Công ty mẹ - Tổng công ty Khoáng sản - TKV chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV và đổi tên thành Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103087, đăng ký sửa đổi bổ sung lần thứ 4 ngày 21/08/2012.

Thực hiện Quyết định số 2388/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt Phương án CPH Công ty mẹ - Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Quyết định số 7850/QĐ-BCT ngày 30/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương v/v điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty mẹ - Tổng công ty Khoáng sản

Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

TKV - CTCP, Tổng công ty đã tiến hành CPH và chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 6/10/2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0100103087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 6/10/2015.

Ngày 28/12/2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp nhận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo quy định của Luật Chứng khoán tại Công văn số 8010/UBCK-QLPH.

Ngày 21/7/2016, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành Quyết định số 440/QĐ-SGDHN v/v chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty Khoáng sản - TKV trên sàn Upcom với mã chứng khoán KSV, số lượng đăng ký là 200.000.000 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000đ/cổ phiếu; tổng giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch là 2.000 tỷ đồng.

Ngày 28/7/2016, tại HNX cổ phiếu của Tổng công ty Khoáng sản - TKV đã chính thức giao dịch trên sàn Upcom.

Ngày 20/12/2022, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ban hành Quyết định số 856/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu của Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP.

3. Ngành nghề, sản phẩm và địa bàn kinh doanh:

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý (chính)	2420
2.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng (Trừ loại nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8710
3.	Khai thác quặng sắt	0710
4.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
5.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
6.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
7.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
8.	Sản xuất than cốc	1910
9.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
10.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
11.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
12.	Đúc kim loại màu	2432
13.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
14.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
15.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
16.	Sản xuất bì, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
17.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
18.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
19.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
20.	Sửa chữa thiết bị điện	3314

Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

21.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
22.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
24.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
25.	Bán buôn tổng hợp	4690
26.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ vàng trang sức, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
27.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
28.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
29.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (trừ loại nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	6810
30.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (trừ loại nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	7110
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
32.	Điều hành tua du lịch	7912
33.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
34.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
35.	Xây dựng công trình thủy	4291
36.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
37.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
38.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
39.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
40.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
41.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7212
42.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7213
43.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
44.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
45.	Khai thác gỗ	0220
46.	Đào tạo sơ cấp	8531
47.	Đào tạo trung cấp	8532
48.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
49.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
50.	Đào tạo cao đẳng	8533
51.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân	2599

	vào đầu	
52.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế	8610
53.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
54.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
55.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
56.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
57.	Giáo dục khác chưa được phân vào đầu	8559
58.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao Chi tiết: Bán buôn thạch cao	2394
59.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn thạch cao	4663
60.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: bán buôn oxy công nghiệp dạng khí và dạng lỏng	4669

3.2. Một số sản phẩm chính:

**Sản phẩm do Công ty mẹ sản xuất:*

- Tinh quặng đồng 25% Cu
- Đồng tấm 99,90-99,99% Cu
- Tinh quặng sắt 60% Fe
- Axit sunfuaric hàm lượng 93-98% H₂SO₄
- Vàng kim loại 99,90-99,99% Au
- Bạc kim loại 99,90-99,99% Ag

**Sản phẩm do Công ty con sản xuất:*

- Kẽm thời 99,90-99,95% Zn
- Thiếc thời 99,75-99,95 % Sn
- Phôi thép CT5, Q235A, SD 295,...
- Tinh quặng sắt 60% Fe
- Axit sunfuaric hàm lượng 93-98% H₂SO₄
- Tinh quặng chì 50%Pb

3.3. Địa bàn kinh doanh:

Địa bàn kinh doanh của Tổng công ty Khoáng sản - TKV tại một số tỉnh thành trong cả nước, đa số tại vùng sâu, vùng xa có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn trong đó tập trung ở khu vực Lào Cai, Thái Nguyên, Cao Bằng, Bắc Kạn,...

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1. Mô hình quản trị:

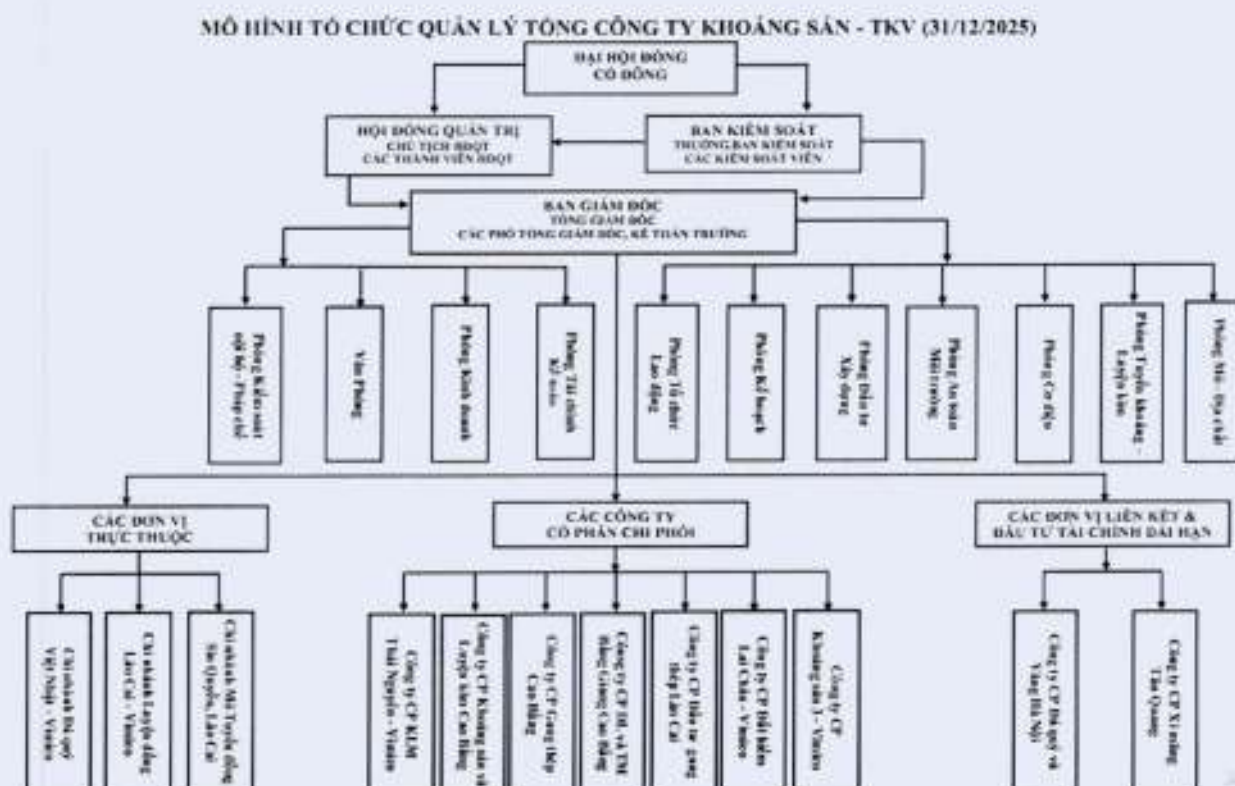
- Đại hội đồng cổ đông: Bao gồm 2.159 cổ đông sở hữu 200.000.000 cổ phần tương đương 2.000 tỷ đồng bằng 100% vốn điều lệ (tại thời điểm ngày 16/3/2026 VSCD chốt Danh sách cổ đông).

- Hội đồng quản trị: Gồm Chủ tịch và 04 thành viên. Trong đó, có 01 thành viên chuyên trách, 01 thành viên độc lập, 01 thành viên kiêm Tổng giám đốc, 01 thành viên kiêm Phó tổng giám đốc Tổng công ty.

- Ban kiểm soát: Gồm Trưởng ban kiểm soát chuyên trách và 02 Kiểm soát

viên.

- Ban Giám đốc: 01 Tổng giám đốc, 04 Phó tổng giám đốc, 01 Kế toán trưởng.
- Phòng, Ban chức năng: 11 Phòng.
- Đơn vị trực thuộc: gồm 03 đơn vị.
- Công ty con cổ phần chi phối: 07 đơn vị.
- Đơn vị liên kết và đầu tư tài chính dài hạn: 02 đơn vị.



4.2. Tổ chức kinh doanh:

VIMICO là công ty cổ phần được tổ chức sản xuất theo mô hình Công ty mẹ - công ty con, trong đó khâu sản xuất được thực hiện theo cơ chế khoán chi phí, tiêu thụ sản phẩm tập trung. Một số sản phẩm chủ yếu của công ty con (phôi thép của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng, tinh quặng sắt của Công ty cổ phần Khoáng sản 3) được tiêu thụ thông qua công ty mẹ theo các hợp đồng mua bán giữa 3 bên: Tổng công ty - Công ty - Khách hàng phù hợp với các quy định của pháp luật và các quy chế quản lý nội bộ. Các công ty con khi tham gia cơ chế phối hợp kinh doanh với Tổng công ty được hưởng các hỗ trợ về: an sinh xã hội, bố trí nguồn vốn sản xuất, quản lý kỹ thuật,...

4.3. Bộ máy quản lý:

- Hội đồng quản trị: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ 05 năm (2025-2030). Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm

quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Ban kiểm soát: Số lượng thành viên Ban kiểm soát là 03 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ 05 năm (2025-2030). Ban kiểm soát là cơ quan giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Tổng giám đốc: Là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty, điều hành kế hoạch phối hợp kinh doanh của nhóm công ty mẹ - công ty con theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và là một thành viên trong HĐQT.

- Phó tổng giám đốc: Hiện nay có 04 Phó tổng giám đốc giúp Tổng giám đốc Tổng công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

- Kế toán trưởng: Có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của Tổng công ty; giúp Tổng giám đốc giám sát tài chính và phát huy các nguồn lực tài chính tại Tổng công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Tiêu chuẩn đối với Kế toán trưởng theo quy định tại Luật kế toán, quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

- Bộ máy giúp việc gồm: Văn phòng và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành Tổng công ty cũng như thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn hoặc bên liên doanh đối với các doanh nghiệp khác. Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc do Tổng giám đốc quyết định sau khi được Hội đồng quản trị chấp thuận.

4.4. Các đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết:

4.4.1. Các đơn vị trực thuộc:

- Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - VIMICO: xã Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

- Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai - VIMICO: thôn Tân Hồng, xã Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

- Chi nhánh Đá quý Việt Nhật - VIMICO: số 193 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân, Hà Nội.

4.4.2. Các công ty con:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên công ty con	Lĩnh vực hoạt động chủ yếu	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn góp của Tổng
1	CTCP Kim loại màu Thái Nguyên-Vimico	Khai thác và chế biến khoáng sản	Số 89 Phú Xá 3,P. Tích Lương, Tỉnh Thái Nguyên	180.000	51,00%	91.800

Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

TT	Tên công ty con	Lĩnh vực hoạt động chủ yếu	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn góp của Tổng
2	CTCP Khoáng sản & Luyện Kim Cao Bằng	Khai thác và chế biến khoáng sản	Phố Kim Đồng, P. Thục Phán, Tỉnh Cao Bằng	80.000	51,89%	41.509
3	CTCP Gang thép Cao Bằng	Khai thác và chế biến khoáng sản	052 Kim Đồng, P. Thục Phán, Tỉnh Cao Bằng	430.064	52,54%	225.954
4	CTCP Du lịch & Thương mại Bằng Giang Cao Bằng	Khách sạn và vận tải hành khách	001 Kim Đồng, P. Thục Phán, Tỉnh Cao Bằng	18.000	51,31%	9.235
5	CTCP Khoáng sản 3 - Vimico	Khai thác và chế biến khoáng sản	162 Duyên Hải P. Lào Cai, Tỉnh Lào Cai	35.000	51,00%	17.850
6	CTCP Đầu tư Gang thép Lào Cai-Vimico	Chế biến khoáng sản	Thôn Tân Hồng, P. Bát Xát, Tỉnh Lào Cai	14.000	99,01%	13.861
7	CTCP Đất hiếm Lai Châu-Vimico	Khai thác và chế biến khoáng sản	Bản Thác Cạn, Xã Bình Lư, Tỉnh Lai Châu	350.000	55,00%	192.500

4.4.3. Các công ty liên kết:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên công ty con	Lĩnh vực hoạt động chủ yếu	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn thực góp
1	CTCP Đá Quý và Vàng Hà Nội	Kinh doanh vàng bạc, đá quý	91 Đinh Tiên Hoàng, P. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	18.000	48,31%	8.696
2	CTCP Xi măng Tân Quang	Sản xuất Xi măng	TDP Trảng Đà 5, P. Nông Tiến, Tỉnh Tuyên Quang	350.000	13,71%	48.000

5. Định hướng phát triển của Tổng công ty Khoáng sản - TKV giai đoạn 2026-2030:

5.1. Mục tiêu phát triển:

Xây dựng Tổng công ty trở thành doanh nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản kim loại màu hàng đầu Việt Nam; Phát triển bền vững; có mô hình tổ chức quản lý hiện đại. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động; đóng góp vào sự phát triển kinh tế của Tập đoàn các địa phương.

5.2. Định hướng mô hình tăng trưởng:

Từ quan điểm và mục tiêu nêu trên, mô hình tăng trưởng của Tổng công ty trong thời gian tới được xác định là: “Phát triển ngành khoáng sản đồng bộ, tiên tiến, hiện đại với tốc độ tăng trưởng cao trên cơ sở đi đôi với phát triển theo chiều rộng tăng cường phát triển theo chiều sâu bằng cách áp dụng công nghệ mới tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và hiệu quả cũng như giảm thiểu ô nhiễm môi trường” với các định hướng như sau:

- Tập trung khai thác và chế biến sâu các loại khoáng sản có trữ lượng lớn, chất lượng tốt mà trọng tâm là quặng đồng, quặng sắt, quặng kẽm chì. Mở rộng và hiện đại hóa các cơ sở luyện kim hiện có, xây dựng một số cơ sở luyện kim mới với công nghệ hiện đại bên cạnh các mỏ khoáng sản công suất lớn hoặc tại các vùng tập trung các mỏ khoáng sản.

- Hình thành các tổ hợp hoặc trung tâm khai thác mỏ kim loại - luyện kim đồng bộ, công nghệ tiên tiến, hiện đại bao gồm cả công nghiệp phụ trợ có quy mô phù hợp với quy mô trữ lượng khoáng sản của từng cụm mỏ, vùng mỏ hoặc khu vực.

5.3. Định hướng phát triển:

- Tập trung đầu tư phát triển ngành khai thác khoáng sản và chế biến khoáng sản (tuyển khoáng, luyện kim); trọng tâm là các sản phẩm đồng, sắt, kẽm, thiếc, các sản phẩm từ đất hiếm; ...

- Quan tâm phát triển ở quy mô hợp lý một số ngành, lĩnh vực liên quan đến ngành sản xuất chính như xây lắp công trình công nghiệp mỏ, tuyển, luyện kim; gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí (chi tiết, cụm chi tiết, sản phẩm đồng bộ); sửa chữa trung, đại tu ô tô, thiết bị khai thác mỏ, thiết bị tuyển, luyện kim và các thiết bị cơ khí, động lực khác phục vụ hoạt động sản xuất chính; sản xuất các mặt hàng công nghiệp, dân dụng, hóa chất từ khoáng sản, kim loại; gia công chế tác sản xuất hàng trang sức, mỹ nghệ từ sản phẩm khoáng sản và kim loại...

- Phát triển bền vững công nghiệp khai thác khoáng sản - luyện kim theo hướng hiện đại, thu hồi tối đa tài nguyên, thân thiện với môi trường, hài hòa với địa phương và cộng đồng, có hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

- Phân đầu trở thành nhà sản xuất, cung ứng giữ vai trò quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế về các nguyên liệu khoáng và sản phẩm kim loại, nhất là các kim loại màu.

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh lại cơ cấu vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp cho phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư vốn.

5.4. Chiến lược phát triển:

Trên cơ sở định vị phương hướng và mục tiêu phát triển, Tổng công ty thực hiện các biện pháp cụ thể bao gồm:

a. Phát triển tài nguyên và nguồn nguyên liệu:

Thực hiện mục tiêu chiến lược xuyên suốt của Vimico trong toàn Tập đoàn các công ty Than - Khoáng sản Việt Nam “*Từ tài nguyên khoáng sản và nguồn nhân lực đi lên giàu mạnh*”.

Hiện nay, VIMICO đang tập trung các nguồn lực, sử dụng hiệu quả nguồn vốn của Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc thực hiện công tác thăm dò, khảo sát theo định hướng chiến lược phát triển lĩnh vực khoáng sản của Tập đoàn TKV trên địa bàn tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2025 phê duyệt tại Quyết định số 1404/QĐ-TKV ngày 22/8/2023 phù hợp với Quy hoạch của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 về việc Phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch khoáng sản).

Theo đó, tiếp tục tập trung đẩy nhanh việc triển khai thực hiện các đề án thăm dò mở rộng và xuống sâu các khu vực mỏ đồng (Sin Quyền và Đông Nam Sin Quyền, Vi Kẽm).

Trong năm 2025, VIMICO đã triển khai lập các đề án thăm dò mở rộng, xuống sâu khu vực mỏ đồng Sin Quyền và khu Đông Nam thuộc xã Bát Xát, xã Trịnh Tường tỉnh Lào Cai phục vụ dự án phân sâu và khu Đông Nam mỏ đồng Sin Quyền theo Quy hoạch/Chiến lược phát triển của Tổng công ty. Do vướng mắc một số thủ tục điều chỉnh khu vực tạm cấm hoạt động động khoáng sản nên chưa triển khai được. Đối với các đề án thăm dò kèm chỉ: Đề án thăm dò mở rộng mỏ Chợ Điền, thăm dò mỏ Đầm Vạn do đang điều chỉnh quy hoạch khoáng sản và xin bổ sung khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản nên chưa thực hiện.

Kết thúc năm 2025, Vimico và các đơn vị thành viên đã triển khai thi công thăm dò nâng cấp trữ lượng trong phạm vi ranh giới cấp phép khai thác mỏ: kèm chỉ Chợ Điền; thiếc tiêu khu phía Nam, khu Tây Núi Pháo; lập báo cáo tổng kết thăm dò mỏ sắt Kip Tước. Kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng sẽ bổ sung trữ lượng, tài nguyên kéo dài tuổi thọ mỏ trong phạm vi đã được cấp phép khai thác.

b) Một số giải pháp trong công tác thăm dò, phát triển tài nguyên:

Phối hợp với các đơn vị quản lý Nhà nước, các đơn vị liên quan trong hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản nhằm đảm bảo mục tiêu chung của Tổng công ty và TKV.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc triển khai thi công các đề án thăm dò của Tổng công ty và các đơn vị thành viên nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng thi công các công trình thăm dò, nâng cao hiệu quả trong đầu tư thăm dò phát triển tài nguyên.

Áp dụng công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực địa chất, địa vật lý, công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) trong việc triển khai các đề án thăm dò mở mới, quan trắc dịch động bờ mỏ, đập môi trường.

Tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản để nghiên cứu triển khai thăm dò khoáng sản đồng tại khu vực mỏ đồng Kon Rá - Kon Nhân - Kon Long, xã Đắk Kôi và xã Kon Braih, tỉnh Quảng Ngãi.

c) Phát triển công nghệ (kỹ thuật mỏ địa chất - tuyển khoáng - luyện kim):

** Kỹ thuật mỏ - địa chất:*

Tăng cường kiểm soát chặt chẽ từ khâu cập nhật, lập kế hoạch huy động trữ lượng trong không gian khai thác để đảm bảo độ tin cậy trong xây dựng và điều hành kế hoạch khai thác linh hoạt phù hợp với thực tế, giảm chi phí sản xuất.

Áp dụng chuyển đổi số, tin học hóa trong công tác lập kế hoạch, báo cáo, điều hành sản xuất đáp ứng yêu cầu quản trị sản xuất, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp: Lập kế hoạch và quản lý tiến độ khai thác thông qua các mô hình 3D, phần mềm chuyên dụng...

Đối với khai thác lộ thiên: ưu tiên đầu tư và khai thác hiệu quả dây chuyền thiết bị khai thác mỏ sử dụng đồng bộ thiết bị cỡ lớn có hiệu suất cao để nâng cao năng lực sản xuất, giảm chi phí góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Duy trì đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ, tăng cường nghiên cứu các giải

pháp công nghệ nhằm tận thu tối đa tài nguyên, khai thác triệt các loại quặng nghèo, giảm tỷ lệ tổn thất và làm nghèo trong khai thác. Xây dựng mô hình mô thông minh, ứng dụng IoT và tự động hóa trong giám sát: Áp dụng công nghệ giám sát, AI, sử dụng drone trong khảo sát, lập bản đồ và kiểm tra; Hệ thống quan trắc tự động, radar hiện đại được áp dụng để quan trắc, cảnh báo trượt lở bờ mỏ nâng cao an toàn trong khai thác mỏ.

Đối với khai thác hầm lò: Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, từng bước cơ giới hóa các khâu khoan, xúc bốc, vận tải trong sản xuất để tăng năng suất lao động, sản lượng khai thác, đào lò: Thực hiện cơ giới hóa công tác khoan lỗ mìn trong buồng lưu quặng bằng máy khoan thủy lực, trong đào lò dọc vỉa xuyên vỉa bằng máy khoan thủy lực tự hành; Triển khai hệ thống kiểm soát khí và người trong lò, mạng kết nối thông tin hầm lò; áp dụng các loại hình kết cấu công nghệ chống giữ tiên tiến: Neo kết hợp bê tông phun, bê tông phun lưới thép, bê tông phun sợi thép, bê tông cốt thép, vữa chống thép; Ứng dụng công nghệ thi công công trình ngầm dốc đứng bằng lỗ khoan đường kính lớn (RBM) dẫn trước thi công các lò thượng, thượng cột khai thác tại mỏ hầm lò để tăng tốc độ đào và hạn chế nguy cơ mất an toàn trong thi công các đường lò dốc đứng... Tiếp tục thực hiện các giải pháp kỹ thuật trong khai thác hầm lò nhằm nâng cao hệ số sử dụng lỗ khoan, nổ mìn tạo biên từng bước giảm hệ số thừa tiết diện và tăng độ ổn định đá vây quanh đường lò, buồng khai thác, tăng tỉ lệ thu hồi quặng.

*** Kỹ thuật tuyển khoáng - Luyện kim**

- Công tác tuyển khoáng: Tiếp tục nghiên cứu thực hiện các giải pháp cải tiến công nghệ, cải tạo thiết bị, thử nghiệm sử dụng thuốc tuyển mới phù hợp khi chất lượng quặng nguyên khai vào tuyển giảm, nhằm giảm áp lực khâu khai thác, giảm hàm lượng biên, tiết kiệm tài nguyên, nâng cao hơn nữa chỉ tiêu thực thu, thu hồi các sản phẩm khoáng sản đi kèm. Nghiên cứu triển khai xây dựng xưởng tuyển quặng oxit kẽm.

- Công tác luyện kim: Tiếp tục nghiên cứu, đầu tư nâng cấp, hoàn thiện công nghệ và thiết bị; Kiểm soát chặt chẽ các chế độ công nghệ trong điều kiện đa dạng nguồn nguyên liệu, đặc biệt nguyên liệu mua ngoài có nhiều tạp chất; Bổ sung công nghệ, thiết bị để xử lý bán thành phẩm chứa Bismuth tại các nhà máy luyện đồng; Nghiên cứu sản xuất bạc từ tinh quặng bạc thu hồi trong bùn thủy luyện Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên; Với sản xuất phôi thép, vận hành dây chuyền linh hoạt theo điều kiện nguyên nhiên liệu đầu vào, tận thu sắt trong xỉ lò luyện, tăng cường phun than antraxit tại lò cao để giảm tiêu hao than cốc; nghiên cứu cải tiến giải pháp cắt phôi thép; Tiếp tục nghiên cứu đầu tư dự án cán thép hình.

- Công tác KCS: Tiếp tục đầu tư hoàn thiện và nâng cấp các phòng phân tích tại các cơ sở sản xuất của Tổng công ty. Sửa đổi, bổ sung các quy trình lấy mẫu, gia công, phân tích hóa; sửa đổi bổ sung các quy trình kiểm soát nguyên liệu, sản phẩm tại đơn vị trực thuộc.

d) Chiến lược phát triển công tác cơ điện:

(i) Công tác quản lý kỹ thuật cơ điện

Tiếp tục cùng các phòng, ban liên quan của Tổng công ty kiểm tra, hỗ trợ

công tác quản lý kỹ thuật thuộc lĩnh vực cơ điện tại các công ty con, đơn vị trực thuộc nhất là tại các đơn vị trực thuộc.

Xây dựng kế hoạch huy động và sử dụng năng lực thiết bị hiện có tại các đơn vị đạt năng suất yêu cầu và hiệu quả sản xuất. Điều phối hợp lý năng lực thiết bị giữa các đơn vị trong Tổng công ty, đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng thiết bị cho sản xuất; Đầu tư thiết bị khai thác, vận tải mỏ lộ thiên có năng suất cao, bổ sung năng lực thiết bị, thay thế thiết bị hết khấu hao, cũ hỏng, xuống cấp,... như: Máy xúc >6,5m³, xe ô tô > 55T, 90T,...

Công tác sửa chữa thiết bị: Giám sát chặt chẽ công tác SCTX, việc thực hiện theo định ngạch SCTX các cấp do các đơn vị tự thực hiện; Phối hợp chặt chẽ với các phòng liên quan, đơn vị có thiết bị để giám sát chặt chẽ hơn nữa trong công tác TDT thiết bị đảm bảo chất lượng, giá trị, tiến độ nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả của công tác TDT thiết bị đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Áp dụng các giải pháp tiên bộ khoa học kỹ thuật trong quản lý kỹ thuật cơ điện nhằm gia tăng năng lực thiết bị và nâng cao hiệu quả sản xuất. Tăng cường công tác chế tạo các sản phẩm cơ khí và sử dụng vật tư phụ tùng trong nước thay thế vật tư phụ tùng nhập khẩu. Đẩy mạnh triển khai các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa (như: Triển khai các giải pháp sử dụng năng lượng điện mặt trời tại các đơn vị nhằm tiết giảm chi phí sản xuất; Cải tạo nâng cấp các hệ thống/dây chuyền thiết bị Tuyển khoáng, Luyện kim; Hệ thống giám sát, điều khiển tại trạm điện trung thế;...).

(ii) Công tác công nghệ thông tin và chuyển đổi số

Trên cơ sở công tác quản trị, duy trì hoạt động các hệ thống và Đề án chuyển đổi số, năm 2026 chủ trọng thực hiện các nội dung sau:

Tự động hóa và kết nối chuỗi giá trị: Số hóa toàn bộ quy trình từ sản xuất, quản lý đến điều hành, cho phép kết nối liền mạch giữa các hệ thống và phân hệ (sản xuất, kỹ thuật, kho bãi, phân phối, v.v.), nâng cao hiệu quả và minh bạch trong quản trị (xây dựng hệ thống quản lý tích hợp An toàn - Môi trường; xây dựng hệ thống quản lý kỹ thuật mỏ địa chất chuyên ngành;...).

Quản trị dựa trên dữ liệu: Xây dựng nền tảng phân tích dữ liệu tập trung, nơi tất cả thông tin từ sản xuất đến quản trị nội bộ được tập trung và đồng bộ. Từ đó, doanh nghiệp có thể theo dõi tình hình SXKD theo thời gian thực, phân tích chuyên sâu và ra quyết định kịp thời (xây dựng nền tảng dữ liệu số (Enterprise Data Warehouse),...

Ứng dụng công nghệ 4.0: Triển khai công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), hệ thống điều hành sản xuất (MES), điện toán đám mây (Cloud), báo cáo thông minh (BI) để tối ưu hóa hoạt động khai thác chế biến khoáng sản và quản lý điều hành (đầu tư hạ tầng CNTT (mạng Private 5G), .

An toàn thông tin: Đầu tư hoàn thiện hạ tầng CNTT, đẩy mạnh xây dựng đám mây riêng, áp dụng biện pháp bảo mật nâng cao nhằm đảm bảo an ninh cho hệ thống IT/OT, bảo vệ dữ liệu doanh nghiệp (bảo mật thông tin phục vụ quản trị

thông minh (BI) tại Tổng công ty,...).

e) Nâng cao năng lực quản lý:

- Công tác kế toán thống kê:

+ Tiếp tục thực hiện Chế độ kế toán doanh nghiệp của Việt Nam.

+ Mô hình kế toán: Phân tán kết hợp tập trung tùy thuộc quy mô và đặc thù của từng đơn vị.

Đối với khối Công ty mẹ (Công ty Cổ phần): Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc, lập BCTC của Chi nhánh và kết chuyển lãi lỗ về Văn phòng Tổng công ty, Văn phòng Tổng công ty tổng hợp kết quả SXKD toàn Công ty mẹ Tổng công ty. Vốn kinh doanh hạch toán tập trung tại Văn phòng Tổng công ty, các chi nhánh được giao quản lý, sử dụng, hạch toán tài sản và nhận nợ với Văn phòng Tổng công ty.

Đối với khối Công ty con Công ty cổ phần: Hạch toán độc lập, BCTC được hợp nhất lên báo cáo toàn Tổng công ty theo quy định của chế độ kế toán.

+ Triển khai ứng dụng CNTT: đa số các đơn vị sử dụng phần mềm kế toán để phục vụ công tác kế toán (hạch toán kế toán, lên sổ sách và các báo cáo quản trị).

- Công tác tài chính:

+ Tiếp tục tập trung dòng tiền bán hàng trên cơ sở áp dụng mô hình tiêu thụ tập trung tại Công ty mẹ (công ty cổ phần). Duy trì việc Công ty mẹ - Công ty CP thu xếp vốn lưu động bằng việc thanh toán/ứng tiền để các đơn vị sản xuất và sản phẩm được xuất về Văn phòng Tổng công ty tiêu thụ. Vốn đầu tư thu xếp tập trung tại Công ty mẹ - Tổng công ty, các chi nhánh thực hiện khi có phân cấp, ủy quyền của Công ty mẹ - Tổng công ty. Các Công ty con cổ phần lựa chọn chủ động tiêu thụ sản phẩm hoặc tiêu thụ qua Công ty mẹ Tổng công ty thông qua Hợp đồng phối hợp SXKD.

+ Tái cấu trúc các khoản vay theo biến động của thị trường và sử dụng linh hoạt các sản phẩm dịch vụ tài chính của các tổ chức tín dụng nhằm giảm thiểu chi phí tài chính hàng năm, tiết kiệm chi phí đầu tư.

f) Nâng cao nguồn nhân lực:

Theo chiến lược phát triển và để đáp ứng yêu cầu phát triển của Tổng công ty, mục tiêu và yêu cầu về đổi mới cơ cấu và nâng cao chất lượng lao động của Tổng công ty như sau:

- Mục tiêu và yêu cầu về cơ cấu lao động:

+ Mục tiêu lao động quản lý của toàn Tổng công ty đến hết năm 2030 không quá 14% so với tổng số lao động.

+ Kiểm soát và có chính sách hợp lý về cơ cấu ngành nghề để ổn định và phát triển về cả số lượng và chất lượng phù hợp với quy mô phát triển của Tổng công ty đối với cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật các ngành nghề; lao động kỹ thuật của các ngành chủ lực của Tổng công ty như luyện kim, chế tác kim loại, tuyển khoáng, khai thác mỏ, kỹ thuật sửa chữa các thiết bị cơ điện.

- Yêu cầu về kỹ năng, trình độ cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật:

+ Yêu cầu đối với cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật: Cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật của Tổng công ty phải đáp ứng được yêu cầu về trình độ đào tạo và

chuyên môn nghiệp vụ; có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ lý luận chính trị và trình độ quản lý doanh nghiệp. Ngoài ra, cần phải có kinh nghiệm thực tế tại các cơ sở sản xuất trong Tổng công ty và có kỹ năng làm việc độc lập, tự chủ, sáng tạo.

+ Yêu cầu đối với đội ngũ công nhân kỹ thuật (CNKT): Đội ngũ CNKT phải được đào tạo bài bản tại các hệ thống trường đào tạo CNKT của Nhà nước và các trường đào tạo trong hệ thống đào tạo của TKV. Một số đối tượng lao động có yêu cầu cao cần được đào tạo bổ sung thực tế tại các cơ sở sản xuất trong và/hoặc ngoài nước để nâng cao tay nghề và kinh nghiệm trước khi đưa vào sản xuất. Lao động kỹ thuật phải nắm vững cơ sở lý thuyết và khả năng thực hiện các công việc thực tế cao, thuần thục các kỹ thuật công nghệ hiện đang được sử dụng trong sản xuất và phát triển trong những năm tới của Tổng công ty.

- Đối với công tác tổ chức, quản lý: Tiếp tục sắp xếp lại tổ chức tại các đơn vị thành viên, giảm các đầu mối quản lý trung gian để đổi mới cơ cấu lao động, giảm tỷ lệ lao động gián tiếp, nâng cao hiệu quả điều hành. Đồng thời, tiếp tục tái cơ cấu các mặt quản trị nội bộ của Tổng công ty. Tiếp tục rà soát đổi mới cơ cấu lao động, nâng cao chất lượng lao động tại các đơn vị đặc biệt là tại một số đơn vị có số lao động lớn, cơ cấu lao động phức tạp.

- Đối với công tác tuyển dụng và quản lý sử dụng lao động: Thực hiện công tác tuyển dụng, sử dụng lao động theo Quy chế tuyển dụng và sử dụng Người lao động Tổng công ty Khoáng sản - TKV. Tiếp nhận, sử dụng, bố trí lao động đúng ngành nghề đào tạo để phát huy sở trường và kinh nghiệm làm việc. Tạo những cơ hội tốt về thu nhập và khả năng phát triển. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV và người lao động. Cải thiện điều kiện về môi trường làm việc, quan hệ cộng đồng, gia đình xã hội. Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng và thực hiện chính sách đãi ngộ đặc thù đối với nguồn nhân lực chất lượng cao, tay nghề cao đặc biệt là đối tượng lao động trong các lĩnh vực khai thác hầm lò, luyện kim chế biến sâu, đối tượng lao động có nguyện vọng gắn bó lâu dài với đơn vị...

- Đối với công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực: Tiếp tục thực hiện đánh giá hiệu quả công việc (theo KPI) tại Cơ quan Tổng công ty và triển khai nhân rộng tới các đơn vị thành viên. Hàng năm xây dựng chương trình Đào tạo cho cán bộ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ và công nhân kỹ thuật đáp ứng yêu cầu sử dụng, nâng cao kỹ năng làm việc của CNV và đội ngũ công nhân kỹ thuật trong Tổng công ty. Có kế hoạch luân chuyển để đào tạo nâng cao năng lực quản lý trình độ chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ ở đơn vị sản xuất trực tiếp. Đào tạo đủ số lượng và đảm bảo chất lượng nhằm cung cấp lao động cho các dự án của Tổng công ty hoàn thành và đi vào sản xuất giai đoạn 2026-2030, trong quá trình đào tạo và sử dụng lao động, chú trọng và ưu tiên sử dụng lao động địa phương.

6. Các rủi ro và quản trị rủi ro:

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh Tổng công ty Khoáng sản - TKV chịu tác động của những rủi ro sau:

6.1. Rủi ro bên ngoài:

6.1.1. Rủi ro về kinh tế:

- Tổng công ty có các giao dịch mua, bán trong và ngoài nước, có thông

qua, sử dụng thanh toán bằng ngoại tệ (USD, CNY..) Do đó, bất kỳ sự thay đổi tỷ giá nào cũng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Là một doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản. Vì vậy, sự phát triển của nền kinh tế thế giới, trong đó có Việt Nam, tạo nên sức cầu quan trọng đối với ngành khoáng sản. Tuy nhiên, các mặt hàng của Việt Nam chiếm một tỷ trọng nhỏ so với thế giới, do đó giá bán của các sản phẩm này phụ thuộc nhiều vào mặt bằng chung của thế giới. Nên, khi nền kinh tế toàn cầu suy thoái, giá bán các sản phẩm khoáng sản giảm, dẫn đến ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến sự phát triển của Tổng công ty.

Để quản lý các rủi ro do tác động của môi trường kinh tế, Tổng công ty đã tiến hành dự báo tình hình phát triển kinh tế, để từ đó lập kế hoạch kinh doanh cho phù hợp với yêu cầu tăng trưởng trong tương lai. Bên cạnh đó, Tổng công ty còn thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí nhằm gia tăng lợi nhuận của các lĩnh vực kinh doanh truyền thống và một số lĩnh vực kinh doanh khác.

- Lãi suất là một chỉ số tài chính vô cùng quan trọng mà Tổng công ty luôn phải theo dõi và cập nhập hàng ngày để đưa ra chiến lược đầu tư hợp lý. Khi lãi suất tăng đồng thời sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình SXKD của các doanh nghiệp. Chính vì vậy, khi lãi suất biến động sẽ có ảnh hưởng nhất định đến tình hình hoạt động của Tổng công ty.

Để quản trị rủi ro về lãi suất, hạn chế tối đa tác động của lãi suất lên hoạt động SXKD, Tổng công ty áp dụng nhiều biện pháp nhằm thắt chặt chi phí như giảm vay vốn từ Ngân hàng, sử dụng linh hoạt các sản phẩm tín dụng và thay bằng các nguồn khác có chi phí thấp hơn.

6.1.2. Rủi ro pháp lý:

- Hệ thống pháp luật của nước ta liên quan đến hoạt động kinh doanh và khai thác khoáng sản còn chưa đồng bộ gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành.

Các chính sách của Chính phủ có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Nhà nước thu tiền sử dụng tài liệu địa chất, tiền cấp quyền khai thác, ký quỹ, đầu tư.... và các loại thuế, phí tăng cao đã và đang làm ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của toàn Tổng công ty. Bên cạnh đó, thời hạn khai thác các mỏ của VIMICO phụ thuộc vào chính sách quản lý, khai thác khoáng sản của Nhà nước trong từng thời kỳ. Thời hạn xin cấp phép khai thác mỏ thường kéo dài và là một rủi ro trong hoạt động của Tổng công ty.

6.2. Rủi ro nội tại doanh nghiệp:

6.2.1. Rủi ro về đất đai:

- Hiện nay, VIMICO đang được Nhà nước giao quản lý, sử dụng diện tích đất hơn 6,987 triệu m² trải rộng trên địa bàn Lào Cai, Hà Nội và đang tiếp tục thực hiện các thủ tục thuê thêm diện tích đất lớn chủ yếu trên địa bàn Lào Cai để phục vụ cho công tác SXKD. Việc quản lý, sử dụng và xin cấp mới những diện tích đất trên có thể phát sinh những rủi ro, khó khăn không lường trước được như:

- Rủi ro trong quá trình đền bù, giải phóng mặt bằng: Đây là công tác phức tạp và có thể phát sinh nhiều vướng mắc làm chậm tiến độ giải phóng mặt bằng gây ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án cũng như công tác sản xuất của VIMICO.

- Chính sách về quản lý đất đai: Thường xuyên có những biến động, việc cập nhật và áp dụng các chính sách về đất đai có thể phát sinh các chi phí làm ảnh hưởng đến quá trình sản xuất, đầu tư: tiền thuê đất, tiền đền bù giải phóng mặt bằng.

6.2.2. Rủi ro về trữ lượng và chất lượng tài nguyên:

Ngành khoáng sản có đặc thù là trước khi khai thác một mỏ khoáng sản cần phải thực hiện thăm dò trữ lượng, chất lượng của mỏ. Quá trình thăm dò tốn kém nhiều chi phí và thời gian, nhưng nếu kết quả thăm dò cho thấy trữ lượng mỏ nhỏ, hoặc điều kiện khai thác không thuận lợi (mỏ nằm quá sâu)... khiến cho việc khai thác không thể thực hiện được vì lý do kinh tế - kỹ thuật thì rủi ro chi phí chìm (sunk cost) sẽ là rất lớn. Mặc dù các công ty khai khoáng đều thực hiện những nghiên cứu, khảo sát và đánh giá về điều kiện địa chất mỏ. Tuy nhiên, những nghiên cứu này không thể lường trước hết những biến động bất thường của tự nhiên. Việc đánh giá không chính xác về địa chất và về trữ lượng khoáng sản có thể khai thác sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới kế hoạch sản xuất kinh doanh của Vimico.

6.2.3. Rủi ro đặc thù khai thác, chế biến:

Do đặc thù ngành khai khoáng hoạt động gắn chặt với lòng đất, trong điều kiện ngoài trời, doanh nghiệp còn phải chịu các rủi ro về thiên tai, lũ lụt, rủi ro xảy ra tai nạn lao động, rủi ro gây ô nhiễm môi trường... dẫn tới việc phải tăng các chi phí hoạt động hoặc thậm chí bị rút giấy phép khai thác mỏ.

6.2.4. Rủi ro về tiêu thụ sản phẩm:

Kế hoạch tiêu thụ sản phẩm của Tổng công ty được xây dựng dựa vào một phần công tác dự báo sản lượng sản phẩm được sản xuất và khả năng tiêu thụ sản phẩm trong năm tới. Do đó, giá cả của các sản phẩm như: đồng, vàng, bạc, kẽm thỏi, phôi thép, tinh quặng sắt... đều chịu áp lực do biến động giá cả của thị trường trong nước và thế giới. Vì vậy, mọi chính sách kinh tế, đối ngoại đều có tác động đến giá thành sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Tổng công ty triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Tập đoàn, sự đồng thuận, đoàn kết của Ban lãnh đạo, của tập thể người lao động.

Giá bán kim loại màu diễn biến theo chiều hướng có lợi, tạo điều kiện Tổng công ty gia tăng lợi nhuận, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Bên cạnh những thuận lợi, Tổng công ty còn phải đối mặt với không ít khó khăn đó là:

- Điều kiện sản xuất: Mỏ đồng Sin Quyền do ảnh hưởng sạt trượt bờ moong, mỏ đang trong giai đoạn cuối của dự án nên điều kiện khai thác ngày

càng khó khăn, diện công tác sản xuất chật hẹp, diện đồ thái thiếu, khó khăn trong giải phóng mặt bằng. Đối với mỏ Vi Kẽm triển khai sản xuất còn gặp nhiều khó khăn, năng suất chưa cao, thiếu lao động hầm lò. Tài nguyên khoáng sản tại một số mỏ có xu hướng giảm (mỏ thiếc Cao Bằng, mỏ sắt Kíp Tước, mỏ thiếc Tây Nam Núi Pháo) đã ảnh hưởng đến hoạt động và tổ chức sản xuất của các đơn vị; Mỏ đất hiếm Đông Pao đã có nhiều cố gắng để đưa ra đề xuất lựa chọn đối tác nhưng đến nay chưa có chủ trương của cấp có thẩm quyền;... Quặng nguyên khai biến động giảm cả về khối lượng và chất lượng trong hầu hết các mỏ.

- Công tác phát triển tài nguyên, xin cấp phép thăm dò khai thác, thăm dò nâng cấp trữ lượng trong ranh giới giấy phép khai thác gặp nhiều khó khăn do thủ tục xin cấp, điều chỉnh, gia hạn giấy phép khai thác, cấp giấy phép thăm dò mất nhiều thời gian lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước. Việc triển khai các đề án thăm dò mở rộng, xuống sâu vướng mắc về quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản của Chính phủ (Quy hoạch 866) và xin khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Một số đề án xin cấp phép thăm dò/khai thác (mở rộng Sin Quyền, khu Đông Nam Sin Quyền) không thực hiện được do vướng mắc về khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khai thác khoáng sản và chồng lấn quy hoạch đồng và apatit.

- Các thủ tục pháp lý trong quá trình triển khai dự án đầu tư còn kéo dài, công tác đền bù giải phóng mặt bằng (GPMB) gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là thủ tục chuyển giao giữa các cấp sau khi thực hiện chính quyền 2 cấp làm ảnh hưởng tiến độ triển khai Dự án mở rộng nâng công suất mỏ đồng Sin Quyền và các dự án khác (mỏ sắt Nà Rua, mỏ sắt Kíp Tước).

- Công tác cung ứng nguyên liệu mua ngoài phục vụ sản xuất còn gặp nhiều khó khăn do nguồn cung trên thị trường giảm, có sự cạnh tranh lớn

- Trong năm 2025 do ảnh hưởng trực tiếp của nhiều cơn bão và hoàn lưu bão (số 5, số 9, số 10, số 11). Đặc biệt cơn bão số 10 (Bualoi) cuối tháng 9 và cơn bão số 11 (Matmo) cùng hoàn lưu bão gây mưa lớn, sạt lở và ngập lụt tại nhiều địa phương: Cao Bằng, Thái Nguyên, Lào Cai,... đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hầu hết các đơn vị từ công trường khai thác, dây chuyền sản xuất, hư hại nhiều tài sản, hạ tầng giao thông, gián đoạn quá trình sản xuất kinh doanh.

Mặc dù đối mặt với các khó khăn trên, bằng việc xây dựng kế hoạch điều hành chi tiết và triển khai nhiều nhóm giải pháp đồng bộ, Tổng công ty đã đạt được những kết quả nhất định.

Kết thúc năm, các chỉ tiêu chủ yếu về giá trị và sản lượng cơ bản đạt và vượt so với kế hoạch, kết quả thực hiện một số chỉ tiêu SXKD năm 2025 như sau:

- Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tổng công ty: 14.480,9 tỷ đồng /12.619 tỷ đồng KH, bằng 114,75% KH đầu năm, bằng 109,06% cùng kỳ năm trước (Trong đó: Doanh thu khoáng sản: 13.999 tỷ đồng/12.102 tỷ đồng KH, đạt 115,68% KHN, và bằng 111,86% so với cùng kỳ 2024).

- Lợi nhuận: dự kiến đạt 2.542 tỷ đồng/1.000 tỷ đồng KH, đạt 254,22%KH đầu năm, và bằng 162,36% so với cùng kỳ năm trước; Trong đó Công ty mẹ đạt 2.508 tỷ đồng.

- Nộp ngân sách: đạt 2.220 tỷ đồng.

Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

- Tổng số lao động bình quân: 5.090 người.
- Thu nhập bình quân: 18,336 tr.đ/người/tháng.
- Sản xuất: Các dây chuyền công nghệ ổn định, cung ứng đủ nguyên liệu cho sản xuất cả năm 2025. Sản phẩm sản xuất đạt kế hoạch đề ra, riêng phôi thép đạt thấp so với kế hoạch do nhu cầu và giá bán giảm. Các sản phẩm sản xuất cơ bản đạt kế hoạch đề ra.

TT	Sản phẩm	ĐVT	KH 2025	TH 2025	Tỷ lệ ss TH 2025 (%)	
					Với CK 2024	Với KH 2025
I	Sản xuất chủ yếu					
1	Tinh quặng đồng 25%Cu (MĐV)	Tấn	60.717	64.472	87,43	106,19
	- NMI (quy 25% Cu)	"	31.565	32.087	90,83	101,65
	- NM2 (quy 25% Cu)	"	29.151	32.386	84,30	111,09
2	Đồng cathode	Tấn	30.000	31.200	103,73	104,00
3	Kẽm thời (tự sản xuất)	Tấn	8.152	9.076	99,10	111,33
4	Thiếc thời (quy từ TQ 70%Sn)	Tấn	215	162	77,01	75,46
5	Tinh quặng sắt (Kíp tước + MĐV)	Tấn	173.681	179.165	87,73	103,16
	- Mỏ Tuyển (quy HL 60%Fe)	"	90.889	96.253	78,70	105,90
	- Kíp Tước KS3 (HL 60%Fe)	"	82.792	82.913	101,22	100,15
6	Axit Sunfuric	Tấn	137.240	145.031	101,94	105,68
	- Công ty mẹ	"	125.864	131.956	101,98	104,84
	- KLM TN	"	11.376	13.075	101,49	114,93
7	Vàng thời	Kg	806	920	108,78	114,10
8	Bạc thời	Kg	2.751	2.085	98,66	75,78
9	Phôi thép	Tấn	165.000	137.819	80,96	83,53
10	Tinh quặng chì (quy 50% Pb)	Tấn	3.752	4.068	104,11	108,42
II	Tiêu thụ chủ yếu					
1	Đồng cathode	Tấn	30.000	30.341	100,23	101,14
2	Kẽm thời	Tấn	8.152	9.184	100,29	112,66
3	Thiếc thời	Tấn	215	162	77,20	75,46
4	Tinh quặng sắt (Kíp tước + MĐV)	Tấn	167.000	169.926	90,43	101,75
	- Cty mẹ	"	87.000	85.484	73,51	98,26
	- Kíp Tước (KS3)	"	80.000	84.442	117,92	105,55
5	Axit Sunfuric	Tấn	139.224	143.064	102,65	102,76
6	Vàng thời	Kg	911	877	102,89	96,26
7	Bạc thời	Kg	2.630	2.062	104,33	78,40
8	Phôi thép	Tấn	155.000	162.036	98,65	104,54
9	Tinh quặng chì	Tấn	3.459	4.008	118,02	115,87

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Hội đồng quản trị:

2.1.1. Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tịch HĐQT

+ Năm sinh: 1968

+ Trình độ: Kỹ sư Khai thác mỏ;

+ Quá trình công tác: Ông Nguyễn Văn Hải bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 1998; từng giữ các chức vụ Phó Quản đốc/Quản đốc Phân xưởng, Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai (đơn vị trực thuộc Tổng công ty Khoáng sản), Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty

Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

Khoáng sản. Ông Nguyễn Văn Hải được bầu giữ chức vụ Thành viên chuyên trách HĐQT Tổng công ty Khoáng sản - TKV từ tháng 10/2015; ngày 15/5/2019 được bầu làm Chủ tịch HĐQT thay ông Vũ Văn Long; ngày 25/3/2020 được bầu làm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025; Ngày 22/4/2025, ông Hải tiếp tục được bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Khoáng sản - TKV nhiệm kỳ 2025-2030.

+ Chức vụ tại đơn vị khác: Trưởng Ban Quản lý vốn Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Công nghệ Tin học MT - Vinacomin; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đồng Tả Phời - Vinacomin; Chủ tịch Công ty TNHH Vinacomin - Lào; Chủ tịch Công ty liên doanh Alumina (Campuchia-Việt Nam). Chủ tịch Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng-TKV (từ tháng 11 đến 26/12/2025).

2.1.2. Ông Trịnh Văn Tuệ - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

+ Năm sinh: 1972

+ Trình độ: Kỹ sư điện khi hóa - Cung cấp điện

+ Quá trình công tác: Ông Trịnh Văn Tuệ bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 1992; từng giữ các chức vụ Đốc công, Phó Quản đốc/Quản đốc Công ty Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai; Phó Giám đốc/Giám đốc Công ty Luyện đồng Lào Cai (02 đơn vị trực thuộc Tổng công ty Khoáng sản); Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản từ tháng 8/2015; Thành viên HĐQT Tổng công ty nhiệm kỳ 2015-2020 từ tháng 9/2016. Ngày 16/3/2018, ông Tuệ được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản - TKV. Ngày 25/3/2020, ông Tuệ tiếp tục được bầu giữ chức vụ Thành viên HĐQT Tổng công ty nhiệm kỳ 2020-2025. Ngày 10/3/2023, ông Tuệ được HĐQT bổ nhiệm lại giữ chức vụ Tổng giám đốc Tổng công ty, có hiệu lực kể từ ngày 16/3/2023. Ngày 22/4/2025, ông Tuệ tiếp tục được bầu giữ chức vụ Thành viên HĐQT Tổng công ty Khoáng sản - TKV nhiệm kỳ 2025-2030.

2.1.3. Ông Đặng Đức Hưng - Thành viên chuyên trách HĐQT:

+ Năm sinh: 1967

+ Trình độ: Kỹ sư khai thác mỏ lộ thiên, Cử nhân Kinh tế

+ Quá trình công tác: Ông Đặng Đức Hưng bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2007; từng giữ các chức vụ Phó phòng/Trưởng phòng Mỏ địa chất Tổng công ty. Ông Đặng Đức Hưng được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản từ tháng 11/2015. Ngày 16/3/2018, ông Hưng được bổ nhiệm giữ chức vụ Thành viên HĐQT Tổng công ty Khoáng sản - TKV. Ngày 25/3/2020, ông Hưng tiếp tục được bầu giữ chức vụ Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025; ngày 02/4/2020, ông Đặng Đức Hưng được thôi giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc để giao nhiệm vụ Thành viên chuyên trách HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025. Ngày 22/4/2025, ông Hưng tiếp tục được bầu giữ chức vụ Thành viên HĐQT chuyên trách Tổng công ty Khoáng sản - TKV nhiệm kỳ 2025-2030.

2.1.4. Ông Ngô Quốc Trung - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

+ Năm sinh: 1973

+ Trình độ: Cử nhân Kinh tế

+ Quá trình công tác: Ông Ngô Quốc Trung bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2010; từng giữ chức vụ Kế toán trưởng Tổng công ty Khoáng sản từ 2010 đến 2018; Thành viên HĐQT Tổng công ty nhiệm kỳ 2015-2020. Ông Trung được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản – TKV từ tháng 7/2018; được bổ nhiệm lại giữ chức vụ Phó tổng giám đốc Tổng công ty từ tháng 7/2023. Ngày 25/3/2020 tiếp tục được bầu làm Thành viên HĐQT Tổng công ty Khoáng sản - TKV nhiệm kỳ 2020-2025. Ngày 22/4/2025, ông Trung tiếp tục được bầu giữ chức vụ Thành viên HĐQT Tổng công ty Khoáng sản - TKV nhiệm kỳ 2025-2030.

+ Chức vụ tại đơn vị khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đất hiếm Lai Châu - Vimico và Công ty CP Gang thép Cao Bằng.

2.1.5. Ông Nguyễn Văn Thái - Thành viên HĐQT độc lập

+ Năm sinh: 1959

+ Trình độ: Kỹ sư Tuyển khoáng

+ Quá trình công tác: Ông Nguyễn Văn Thái bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2006, từng giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản; từ tháng 11/2019 đã nghỉ hưu. Ông Nguyễn Văn Thái được bầu là Thành viên HĐQT độc lập Tổng công ty Khoáng sản nhiệm kỳ 2020-2025 từ ngày 25/4/2023. Ngày 22/4/2025, ông Thái tiếp tục được bầu giữ chức vụ Thành viên HĐQT độc lập Tổng công ty Khoáng sản - TKV nhiệm kỳ 2025-2030.

2.2. Ban Kiểm soát: Gồm Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách và 02 Kiểm soát viên.

2.2.1. Ông Lương Văn Lĩnh - Trưởng Ban kiểm soát:

+ Năm sinh: 1972

+ Trình độ: Cử nhân Tài chính kế toán

+ Quá trình công tác: Ông Lương Văn Lĩnh bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2009, từng giữ chức vụ Phó phòng Tài chính kế toán Tổng công ty; Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2015-2020; nhiệm kỳ 2020-2025. Ngày 22/4/2025, Ông Lương Văn Lĩnh tiếp tục được bầu giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty Khoáng sản - TKV nhiệm kỳ 2025-2030.

2.2.2. Ông Phạm Xuân Phong - Thành viên Ban kiểm soát

+ Năm sinh: 1964

+ Trình độ: Cử nhân Kinh tế

+ Quá trình công tác: hiện là Phó Trưởng ban kiểm soát nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam. Ông Phạm Xuân Phong đã từng giữ chức vụ Trưởng phòng Kế toán tổng hợp Ban Kế toán - Tập đoàn TKV, thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2017-2020. Ông Phạm Xuân Phong được bầu giữ chức vụ Thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty Khoáng sản - TKV nhiệm kỳ 2020-2025 từ ngày 25/3/2020. Ngày 22/4/2025, ông Phong tiếp tục được bầu giữ chức vụ Thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty Khoáng sản - TKV nhiệm kỳ 2025-2030.

+ Chức vụ tại đơn vị khác: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Than Miền

Trung - TKV; Ủy viên Ban Kiểm soát CTCP Thiết Bị Điện Cẩm Phả; Ủy viên Ban Kiểm soát CTCP Cơ Khí Hòn Gai - Vinacomin;

2.2.3. Ông Nguyễn Nam Hưng - Thành viên Ban Kiểm soát:

+ Năm sinh: 1978

+ Trình độ: Kỹ sư cơ điện

+ Quá trình công tác: Ông Nguyễn Nam Hưng bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2007; từng giữ các chức vụ Phó Trưởng ban QLDA MRNCS Nhà máy luyện đồng, Phó trưởng phòng Cơ điện Tổng công ty. Từ tháng 02/2019 đến nay giữ chức vụ Trưởng phòng Cơ điện Tổng công ty. Ông Nguyễn Nam Hưng được bầu là Thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2020-2025 từ ngày 25/3/2020. Ngày 22/4/2025, ông Hưng tiếp tục được bầu giữ chức vụ Thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty Khoáng sản - TKV nhiệm kỳ 2025-2030.

2.3. Ban Giám đốc: Gồm Tổng Giám đốc, 04 Phó Tổng Giám đốc và 01 Kế toán trưởng.

2.3.1. Ông Trịnh Văn Tuệ - Tổng Giám đốc: Đã thông tin tại mục HĐQT.

2.3.2. Ông Ngô Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc: Đã thông tin tại mục HĐQT.

2.3.3. Ông Lý Xuân Tuyên - Phó Tổng giám đốc

+ Năm sinh: 1980

+ Trình độ: Kỹ sư Tuyển khoáng

+ Quá trình công tác: Ông Lý Xuân Tuyên bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2005; Từ tháng 07/2009 đến tháng 05/2010 Quản đốc PX Tuyển khoáng kiêm Phó chủ tịch Công đoàn Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - Vimico; Tháng 8/2013 đến 11/2019: Giám đốc Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - Vimico. Ông Lý Xuân Tuyên được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản - TKV từ ngày 05/11/2019. Ngày 05/11/2024, Ông Lý Xuân Tuyên được bổ nhiệm lại chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản - TKV

+ Chức vụ tại đơn vị khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng; Chủ tịch HĐQT CTCP Kim loại màu Thái Nguyên.

2.3.4. Ông Lê Tuấn Ngọc

+ Năm sinh: 1970

+ Trình độ: Thạc sĩ kinh tế QTKD; Kỹ sư Khai thác mỏ

+ Quá trình công tác: Ông Lê Tuấn Ngọc bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2001; Từ tháng 10/2011 - 3/2012 Phó phòng, Phụ trách phòng Mỏ - Địa chất Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin; Tháng 4/2012 - 22/02/2021: Trưởng phòng Mỏ - Địa chất Tổng công ty Khoáng sản - TKV Ông Lê Tuấn Ngọc được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản - TKV từ ngày 23/02/2021; được bổ nhiệm lại giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty từ ngày 23/02/2026.

+ Chức vụ tại đơn vị khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Khoáng sản 3 - Vimico.

2.3.5. Ông Đặng Xuân Tuyên

+ Năm sinh: 1968

+ Trình độ: Thạc sĩ Khai thác mỏ
 + Quá trình công tác: Ông Đặng Xuân Tuyên bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2006; Từ tháng 03/2007 - 8/2008 Phó trưởng phòng Đầu tư phát triển Tổng công ty Khoáng sản; Tháng 9/2008 - 08/2014: Giám đốc Công ty CP Đầu tư Gang thép Lào Cai; Từ tháng 9/2014 - 12/2014 Trưởng phòng Đầu tư phát triển Tổng công ty Khoáng sản-TKV; Từ 01/2015 - 10/2023 Trưởng Ban QLDA mở rộng NCS Nhà máy Luyện đồng Lào Cai; Từ tháng 11/2023-06/6/2024 Trưởng ban, Phụ trách phòng KH Tổng công ty. Ông Đặng Xuân Tuyên được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản - TKV từ ngày 07/06/2024.

+ Chức vụ tại đơn vị khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư - Gang thép Lào Cai.

2.3.6. Ông Nguyễn Văn Viên - Kế toán trưởng:

+ Năm sinh: 1981

+ Trình độ: Kỹ sư Kế toán doanh nghiệp

+ Quá trình công tác: Ông Nguyễn Văn Viên bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2009; từng giữ các chức vụ Kế toán trưởng Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - Vimico; Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng. Ông Nguyễn Văn Viên được bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Tổng công ty Khoáng sản - TKV từ tháng 7/2018. Ngày 16/7/2023, ông Viên được bổ nhiệm lại chức vụ Kế toán trưởng Tổng công ty Khoáng sản - TKV.

+ Chức vụ tại đơn vị khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Du lịch và thương mại Bằng Giang.

2.4. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của cán bộ quản lý:

TT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng CP nắm giữ		Tỷ lệ % (tổng số CP)
			Ủy quyền	Sở hữu	
I	Hội đồng quản trị				
1	Nguyễn Văn Hải	Chủ tịch HĐQT	196.117.900	0	98,0589
2	Trịnh Văn Tuệ	Thành viên HĐQT, TGD	0	0	0
3	Đặng Đức Hưng	Thành viên chuyên trách HĐQT	0	0	0
4	Ngô Quốc Trung	Thành viên HĐQT, Phó TGD	0	0	0
5	Nguyễn Văn Thái	Thành viên HĐQT độc lập	0	0	0
II	Ban kiểm soát				
1	Lương Văn Lĩnh	Trưởng Ban kiểm soát	0	0	0
2	Phạm Xuân Phong	Kiểm soát viên	0	0	0
3	Nguyễn Nam Hưng	Kiểm soát viên	0	0	0
III	Ban Điều hành				
1	Trịnh Văn Tuệ	Thành viên HĐQT, TGD	Đã nêu tại Mục I Biểu này		
2	Ngô Quốc Trung	Thành viên HĐQT, Phó	Đã nêu tại Mục I Biểu này		

		TGD			
3	Lý Xuân Tuyên	Phó TGD	0	0	0
4	Lê Tuấn Ngọc	Phó TGD	0	0	0
5	Đặng Xuân Tuyên	Phó TGD	0	0	0
6	Nguyễn Văn Viên	Kế toán trưởng	0	0	0

2.5. Số lượng CBCNV, chính sách và thay đổi chính sách đối với NLD:

2.5.1. Số lượng CBCNV:

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng số CBCNV theo danh sách toàn Tổng công ty (bao gồm các Công ty con) là 4.985 người. Tổng số lao động trong khối Công ty mẹ - Tổng công ty là 2.694 người. Cơ cấu, chất lượng lao động như sau:

- Theo giới tính: Nam 3.962 người chiếm 79,48%; nữ 1.023 người chiếm 20,52% (trong đó khối Công ty mẹ: nam 2.216 người chiếm 82,26%; nữ 478 người chiếm 17,74%).

- Theo trình độ: Tiến sỹ, thạc sỹ 76 người 1,52%; Kỹ sư, cử nhân 1.053 người chiếm 21,12%; Cao đẳng 370 người chiếm 7,42%; Trung cấp 2.025 người chiếm 40,62%; CNKT 1.461 người chiếm 29,31% (Trong đó Công ty mẹ: Tiến sỹ, thạc sỹ 53 người chiếm 1,97%; Kỹ sư, cử nhân 583 người chiếm 21,64%; Cao đẳng 279 người chiếm 10,35%; Trung cấp 504 người chiếm 18,71%; CNKT 1.275 người chiếm 47,33%).

2.5.2. Chính sách đối với lao động:

Tổng công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước đối với người lao động, đồng thời tạo điều kiện tối đa để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Các chính sách, chế độ đãi ngộ với người lao động đang được thực hiện tại Vimico như sau:

- Được xếp lương, nâng bậc, nâng ngạch theo đúng quy định; được tham gia BHXH, BHYT, BHTN... và giải quyết hưởng các chế độ bảo hiểm theo quy định của Nhà nước; được hưởng các chế độ trợ cấp khi nghỉ việc theo đúng quy định (trợ cấp thôi việc, mất việc làm).

- Được thực hiện đầy đủ chế độ thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi (nghỉ phép, nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ tết, nghỉ việc riêng hoặc làm thêm giờ...).

- Được xem xét, đề nghị các cấp khen thưởng khi có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao hoặc có thành tích đột xuất.

- Được xem xét cử tham gia các lớp bồi dưỡng, khóa tập huấn, đào tạo, hội thảo theo yêu cầu công việc nhằm nâng cao khả năng quản trị kinh doanh, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ, lý luận chính trị.

- Được đảm bảo việc làm và tạo cơ hội thăng tiến, phát triển sự nghiệp.

- Được tham gia các tổ chức Đoàn thể của Vimico.

- Được cấp phát đồng phục, trang bị phương tiện làm việc.

- Được tổ chức Công đoàn chăm lo đời sống vật chất và tinh thần: Khám sức khỏe định kỳ, thăm quan nghỉ mát, thăm hỏi khi ốm đau, hiếu hỷ,...

- Được tổ chức Đảng, các tổ chức đoàn thể quần chúng giúp đỡ, tạo điều kiện phấn đấu để được đứng trong hàng ngũ của Đảng nếu có nguyện vọng.

2.5.3. Những thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- Hàng năm tiếp tục tổ chức đào tạo, tập huấn cho CBCNV nhằm nâng cao trình độ lý luận chính trị, quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho cán bộ quản lý, người lao động.

- Trong năm 2025, Tổng công ty tiếp tục thực hiện các văn bản đã ban hành, còn hiệu lực thi hành liên quan đến nghĩa vụ, quyền lợi, chế độ chính sách đối với người lao động và sửa đổi, bổ sung một số quy chế, quy định liên quan đến chế độ, quyền lợi của người lao động như sau:

- Sửa đổi, bổ sung Nội quy lao động Tổng công ty tại Quyết định số 945/QĐ-VIMICO ngày 09/10/2025. Nội quy đã được đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường Thanh Xuân, Hà Nội theo quy định;

- Tiếp tục thực hiện Quy chế quản lý cán bộ của Tổng công ty Khoáng sản – TKV tại Quyết định số 01/QĐ-VIMICO ngày 04/01/2024; ban hành Quyết định số 1343/QĐ-VIMICO ngày 29/12/2025 về tiếp tục thực hiện Quy chế quản lý cán bộ của Tổng công ty Khoáng sản – TKV;

- Tiếp tục thực hiện Thỏa ước lao động tập thể giai đoạn 2024 – 2026 ký ngày 19/01/2024 và Phụ lục sửa đổi, bổ sung Thỏa ước lao động tập thể giai đoạn 2024 – 2026 ngày 10/01/2025.

- Tiếp tục thực hiện Quy chế nâng bậc lương, nâng ngạch lương trong Tổng công ty Khoáng sản – TKV (ban hành tại Quyết định số 1005/QĐ-VIMICO ngày 28/9/2020 của HĐQT Tổng công ty Khoáng sản – TKV).

- Tiếp tục thực hiện Quy chế thi đua khen thưởng của Tổng công ty Khoáng sản - TKV được ban hành kèm theo Quyết định số 1014/QĐ-HĐQT ngày 26/9/2019 của Hội đồng quản trị Tổng công ty và các văn bản hướng dẫn của TKV, Tổng công ty về công tác thi đua khen thưởng.

- Tiếp tục thực hiện Quy định về mức bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho các vị trí công việc trong Công ty mẹ - Tổng công ty ban hành kèm theo Quyết định số 787/QĐ-VIMICO ngày 7/8/2023 của Tổng giám đốc Tổng công ty.

- Tiếp tục thực hiện Quy chế quản lý Xuất nhập cảnh đối với Cán bộ, Công nhân viên, Người lao động trong Tổng công ty Khoáng sản – TKV tại Quyết định số 02/QĐ-VIMICO ngày 02/01/2024;

- Tiếp tục thực hiện Quy chế tuyển dụng và sử dụng lao động trong Tổng công ty Khoáng sản – TKV tại Quyết định số 865/QĐ-VIMICO ngày 04/9/2024;

- Tiếp tục thực hiện Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động Công ty mẹ VIMICO và các công ty con, Công ty có vốn đầu tư của VIMICO tại Quyết định số 979/QĐ-VIMICO ngày 04/10/2024;

- Tiếp tục thực hiện Quy chế quản lý đầu tư xây dựng của Tổng công ty Khoáng sản – TKV tại Quyết định số 1080/QĐ-VIMICO ngày 05/11/2024;

- Tiếp tục thực hiện Hệ thống thang lương, bảng lương Công ty mẹ - Tổng công ty tại Quyết định số 1144/QĐ-VIMICO ngày 18/11/2024 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2024).

- Ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực của Tổng công ty Khoáng sản - TKV tại Quyết định số 85/QĐ-VIMICO ngày 21/01/2025;

- Ban hành Quy định thương mại tiêu công tác ATVSLĐ năm 2025 của Tổng công ty Khoáng sản - TKV được ban hành tại Quyết định số 88/QĐ-VIMICO ngày 22/01/2025;

- Ban hành Quy trình quản lý, thực hiện công tác vật tư của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP tại Quyết định số 241/QĐ - VIMICO ngày 14/3/2025;

- Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở tại Tổng công ty Khoáng sản - TKV tại Quyết định số 1225/QĐ-VIMICO ngày 12/12/2025.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các Dự án:

3.1. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2025:

Tổng công ty: Thực hiện giá trị khối lượng đầu tư năm 2025: 523.213 triệu đồng bằng 109% kế hoạch tổng thể năm 2025 (480.000 triệu đồng); Giá trị giải ngân đầu tư năm 2025 là: 482.583/523.213 triệu đồng, đạt 92,23% GTTH, đạt 107,24% KHGN điều chỉnh (482.583/450.000 triệu đồng).

(Chi tiết như Biểu 01 thực hiện đầu tư Tổng công ty).

3.2. Tình hình thực hiện các dự án năm 2025:

- Trong năm đơn vị đã tích cực thực hiện đầu tư theo kế hoạch được giao, trong kỳ đã và đang triển khai thực hiện đầu tư cho 45 dự án thuộc kế hoạch chính thức, tiếp tục thực hiện chuẩn bị dự án cho 08 dự án, cụ thể kết quả thực hiện một số dự án như sau:

*** Dự án Mở rộng nâng công suất mỏ đồng Sin Quyền:**

Trong năm 2025, đã tích cực làm việc với các Bộ/ngành TW, chính quyền địa phương các cấp..., kết quả đạt được cụ thể như sau:

- Đã làm việc với các sở ngành và UBND tỉnh Lào Cai về chủ trương đầu tư của dự án. Kết quả đã được UBND tỉnh Lào Cai chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư theo QĐ số 1471/QĐ-UBND ngày 12/5/2025; đã được Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định thiết bị công nghệ của sử dụng trong dự án theo VB số 21/SKH-CN-QLCN ngày 04/7/2025.

- Đã làm việc với các Bộ ngành, Văn phòng Chính phủ và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại Quyết định số 934/QĐ-TTg ngày 15/5/2025 đối với khu vực khai thác của DA, đã được Bộ NN&MT phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM của DA tại QĐ số 3367/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025.

- Đã làm việc với Sở Công thương tỉnh Lào Cai về thẩm định Báo cáo Nghiên cứu khả thi và đã được Sở thông báo kết quả thẩm định Báo cáo NCKT đầu tư xây dựng Dự án theo Thông báo số 1213/SCT-CN ngày 29/8/2025.

- Đã được TKV thông qua nội dung Báo cáo NCKT tại VB số 5335/TKV-KSH ngày 19/9/2025.

- HĐQT Tổng công ty Khoáng sản - TKV đã phê duyệt dự án tại QĐ số 880/QĐ-VIMICO ngày 22/9/2025.

- Đã làm việc với xã Bát Xát và các bên liên quan để bồi thường GPMB cho

40/50 ha khu vực bãi thải San Bang, hiện tại còn 10 ha sẽ tiếp tục làm việc để phê duyệt sớm nhất, phần đầu hoàn thành bồi thường GPMB cho 50 ha trong năm.

- Đã tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu số 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 và 16.

- Tiếp tục thực hiện và tìm kiếm giải pháp để tháo gỡ vướng mắc và đẩy nhanh thủ tục cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, công tác đền bù GPMB, các công việc và thủ tục khác đáp ứng đủ điều kiện khởi công dự án.

** Dự án khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rua:*

Tổng công ty xác định đây là dự án trọng điểm, có vai trò quyết định sự ổn định và phát triển của công ty CP Gang thép Cao Bằng (CISCO), Dự án cần đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư và triển khai dự án, trong đó trọng tâm là đẩy nhanh công tác đền bù GPMB, điều chỉnh dự án và bố trí vốn cho triển khai dự án, trong năm đã triển khai thực hiện đạt kết quả sau:

- Công tác đền bù GPMB: Mặc dù có nhiều nỗ lực xong tiến độ công tác đền bù GPMB của dự án còn chậm. Tổ chức niêm yết công khai phương án đền bù được 132 trường hợp (tổng diện tích đất khoảng 3,2ha/tổng số diện tích cần đền bù vùng lõi 9,7ha; tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ khoảng 70,9 tỷ đồng; số lô cần bố trí tái định cư là 60 lô); tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đất đai, tài sản, cây cối, hoa màu đối với 07 hộ gia đình, cá nhân (diện tích đất là 320,5m², 03 lô tái định cư, tổng số tiền là 1.790.382.752 đồng).

Tiến độ công tác đền bù GPMB chậm chủ yếu do chậm có chính sách hỗ trợ thu hồi đất với các hộ dân trong diện phải di dời và tiến độ triển khai khu tái định cư phục vụ các hộ dân thuộc diện phải di dời của dự án chậm tiến độ đề ra.

- Công tác điều chỉnh dự án khai thác khu bắc mỏ Nà Rua: Tiến độ triển khai điều chỉnh dự án còn chậm, việc triển khai các bước công việc còn thiếu tính đồng bộ, một số vấn đề như: Chồng lấn quy hoạch; đầu nối các tuyến đường giao thông có vai trò quyết định đến hoạt động và hiệu quả của dự án, song cần có sự chấp thuận của Các Bộ/ngành TW nên tiến độ triển khai chậm so với kế hoạch đề ra.

** Dự án Đầu tư xây dựng chuyển cán thép hình tại khu LHGT Cao Bằng:*

Dự án đang triển khai công tác chuẩn bị đầu tư, hiện tại đơn vị đang tích cực hoàn thiện Báo cáo NCKT để thực hiện các thủ tục chuẩn bị dự án và thẩm duyệt dự án theo quy định ngay sau khi đủ điều kiện theo chủ trương đầu tư dự án đã được ĐHĐCĐ TN 2025 của CISCO thông qua (cụ thể là: CISCO có đủ nguồn nguyên liệu từ mỏ Nà Rua để sản xuất phôi thép theo thiết kế; VIMICO có tài liệu chứng minh việc tiêu thụ sản phẩm và cam kết việc đưa dự án vào hoạt động không làm ảnh hưởng đến sản xuất của Nhà máy Gang thép)

** Dự án Khai thác chế biến quặng đất hiếm Đông Pao, Lai Châu (Dự án đất hiếm):* Trong năm 2025 chủ yếu tập trung cho việc thanh, kiểm tra.

** Dự án khai thác mỏ sắt Làng Vành – Làng Cọ:*

Dự án đã thực hiện và chuyển tiếp qua nhiều năm, tuy nhiên do các vướng mắc khó khăn chưa được giải quyết nên hiện tại dự án đang tạm dừng triển khai, để xem xét điều chỉnh dự án.

Ngoài ra theo yêu cầu tại Thông báo số 69/TB-VPUBND ngày 14/4/2025 của VP UBND tỉnh Lào Cai, Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 đã có Báo cáo số

Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

78/BC-KS3 ngày 28/4/2025 gửi UBND tỉnh Lào Cai về tình hình thực hiện và các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Dự án tại Mỏ sắt Làng Vinh-Làng Cọ. UBND tỉnh Lào Cai đã có Công văn số 2772/UBND-KT ngày 16/5/2025 giao cho các Sở Tài Chính, Xây Dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Môi Trường về việc rà soát, đề xuất tháo gỡ vướng mắc, khó khăn của Dự án.

Ngoài các dự án trọng điểm và quan trọng trên, trong kỳ đã thực hiện đầu tư đồng loạt các dự án nhóm C theo kế hoạch.

BIỂU 01: THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án, công trình	TH NĂM 2024	TH NĂM 2025	Ghi chú
	Giá trị đầu tư	312.668	523.213	
1	Dự án nhóm A	0	0	
2	Dự án nhóm B	102.492	63.282	
2.1	Mở rộng nâng công suất mỏ đồng SQ	1.948	57.226	
2.2	Dự án khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rua Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng - Tổng Công ty khoáng sản Vinacomin đạt 350.000 tấn/năm	35.732	4.257	
2.3	Dự án đầu tư XDCT khai thác, chế biến quặng đất hiếm mỏ Đồng Pao - Tam Đường - Lai Châu (Phần mỏ tuyển)	0	0	
2.4	Dự án đầu tư xây dựng công trình: Khai thác lộ thiên mỏ sắt Làng Vinh xã Võ Lao, Làng Cọ xã Văn Sơn, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai	177	345	
2.5	Văn phòng trụ sở Tổng công ty Khoáng sản - TKV	0	770	
2.6	Đầu tư dây chuyền cán thép tại khu LHGT Cao Bằng	0	684	
2.7	Khai thác mỏ đồng Vi Kẽm, Bát Xát, LC	64.566	0	Dự án đã hoàn thành đầu tư và quyết toán
2.8	Đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2025 - Chi nhánh mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai	69		Dự án sau khi hoàn thành chuẩn bị dự án được phê duyệt có giá trị TMĐT thuộc dự án nhóm C
3	Dự án nhóm C	210.176	459.931	
	Đầu tư duy trì SXKD của Tety	210.176	459.931	

3.3. Đầu tư tài chính tại các Công ty con, Công ty liên kết năm 2025:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Tổng doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế	Ghi chú
I	Công ty con CP chi phối	3.930.463	(104.455)	(138.945)	
1	CTCP Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico	1.259.586	107.677	85.257	
2	CTCP Gang thép Cao Bằng	2.068.918	(205.232)	(205.232)	
3	CTCP Khoáng sản & Luyện Kim Cao Bằng	137.023	13.523	8.595	
4	CTCP Du lịch & Thương mại Bằng Giang Cao Bằng	25.614	603	603	
5	CTCP Khoáng sản 3 - Vimico	186.007	34.468	27.327	
6	CTCP Đầu tư Gang thép Lào Cai	1.628	701	701	
7	CTCP Đất hiếm Lai Châu -Vimico	251.687	(56.196)	(56.196)	
II	Công ty liên kết	1.019.867	69.420	55.133	
1	CTCP Đá Quý và Vàng HN	7.067	1.382	1.129	
2	CTCP Xi măng Tân Quang	1.012.799	68.038	54.004	
	Tổng cộng	4.950.330	(35.035)	(83.812)	

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính:

DVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	9.613.694.705.766	9.871.121.729.686	3%
Doanh thu thuần	13.252.786.414.491	14.553.989.977.837	10%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.638.221.224.633	2.499.334.525.757	53%
Lợi nhuận khác	-69.491.895.479	-45.589.370.991	-34%
Lợi nhuận trước thuế	1.568.729.329.154	2.453.745.154.766	56%
Lợi nhuận sau thuế	1.221.617.906.045	1.908.386.155.984	56,22%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15%	dk ≥ 15%	

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Đơn vị tính: lần

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,06	1,64	
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,39	0,82	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,58	0,44	
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	1,39	0,79	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	5,14	5,07	
+ Vòng quay tổng tài sản	1,39	1,47	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	0,09	0,13	
+ Hệ số LNST/vốn chủ sở hữu	0,31	0,35	
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản	0,13	0,19	
+ Hệ số LN từ hoạt động KD/DT thuần	0,12	0,17	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu đến ngày 31/12/2025:

5.1. Cổ phần:

Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng
200.000.000	Cổ phần phổ thông	199.950.000	50.000

Danh sách cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:

Tên cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Tổng số cổ phần hạn chế chuyển nhượng	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng
Cổ đông thể nhân	3.825.600	50.000	Đã hết thời gian bị hạn chế nhưng do người lao động chấm dứt HĐLĐ trước thời hạn

5.2. Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông sáng lập: Không có
- Cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ Vimico:

TT	Tên cổ đông	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	5700100256	Số 3 Phố Dương Đình Nghệ, phường Yên Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	196.117.900	98,06 %

- Cơ cấu cổ đông:

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông Nhà nước	1	196.117.900	98,0589%
II	Cổ đông trong nước	2158		
1	Cá nhân	2151	3.862.312	1,932%
2	Tổ chức	6	19.488	0,000097%
III	Cổ đông nước ngoài	1		
1	Cá nhân	1	300	0,0000015%
2	Tổ chức	0	0	0
	TỔNG CỘNG	2159	200.000.000	100%

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty:

6.1. Tác động lên môi trường:

Các cơ sở sản xuất của Tổng công ty thực hiện công tác BVMT theo quy định của pháp luật. Trong năm 2025 do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, điều kiện thiên tai khắc nghiệt, đặc biệt là cơn bão số 10, cơn bão số 11 một số đơn vị trong Tổng công ty có thiệt hại về cơ sở vật chất; các đơn vị bị ảnh hưởng của bão đã chủ động thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả mưa bão, được TKV ghi nhận đánh giá cao. Các đơn vị trong Tổng công ty không xảy ra các sự cố nghiêm trọng về môi trường.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Năm 2025, các đơn vị trong Tổng công ty đã cơ bản thực hiện và tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong công tác BVMT, các đơn vị đã có nhiều cố gắng trong việc chinh định công nghệ, chủ động kiểm soát các nguồn nước thải, khí thải, chất thải rắn đảm bảo theo quy chuẩn cho phép, triển khai thực hiện Tiêu chí môi trường “Sáng - Xanh - Sạch” theo Văn bản số 3184/TKV-MT ngày 12/7/2022 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Liên quan đến công tác BVMT: tại các đơn vị Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai - Vimico; Công ty CP Gang thép Cao Bằng; Công ty CP KLM Thái Nguyên, Cơ quan CSĐT đã tiến hành khám xét, làm việc về các hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục về khí thải và nước thải tại các đơn vị và thu giữ một số đồ vật liên quan đến hệ thống quan trắc của 02 đơn vị Công ty CP Gang thép Cao Bằng và Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai. Các đơn vị đã phối hợp cung cấp hồ sơ và có báo cáo giải trình đầy đủ theo đúng quy định.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

(i). Năng lượng tiêu thụ tập trung chủ yếu của Công ty mẹ ở 02 đơn vị khai thác, sản xuất trực tiếp khoáng sản kim loại màu là Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - Vimico và Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai - Vimico.

Năm 2025, Công ty mẹ - Tổng công ty tiêu thụ:

- Điện năng: 183,104 triệu kWh, trong đó:

+ CN Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - Vimico: 63,404 triệu kWh.

+ CN Luyện đồng Lào Cai - Vimico: 119,700 triệu kWh.

- Xăng, dầu các loại: 22,436 triệu lít, trong đó:

+ CN Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - Vimico: 18,932 triệu lít.

+ CN Luyện đồng Lào Cai - Vimico: 3,504 triệu lít.

(ii). Trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng công ty luôn chỉ đạo các đơn vị sản xuất thực hiện tốt các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng và tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất. Đồng thời chú trọng việc xây dựng các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả:

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giải pháp kỹ thuật và tuyên truyền, vận động người lao động nâng cao ý thức trách nhiệm về quản lý, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và an toàn trong sản xuất. Chủ động, tích cực trong việc thực hiện, theo dõi và quản lý các chỉ tiêu định mức tiêu thụ năng lượng phù hợp cho mỗi loại sản phẩm đến các bộ phận sản xuất và người lao động. Đối với những công đoạn sản xuất độc lập hoặc dây chuyền sản xuất có những thiết bị hoạt động không liên tục mà không cần thiết phải hoạt động trong giờ cao điểm đều được bố trí cho hoạt động sản xuất ngoài giờ cao điểm.

- Áp dụng các giải pháp quản lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành trong chiếu sáng công cộng, thiết bị công nghệ; Thay thế các đèn chiếu sáng bằng đèn tiết kiệm điện; Triển khai các giải pháp công nghệ tiết kiệm điện trong chiếu sáng công cộng, sử dụng thiết bị chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện cho 100% công trình chiếu sáng công cộng xây dựng mới. Thay thế dần các loại Aptomat, Contactor điều khiển động cơ điện của các thiết bị trong các dây chuyền tuyển khoáng, luyện kim bằng các loại biến tần phù hợp nhằm đáp ứng yêu cầu trong việc chinh định công nghệ, đồng thời tiết kiệm điện năng tiêu thụ trong các công đoạn sản xuất.

6.4. Tiêu thụ nước:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ - Tổng công ty tập trung tại khu vực Lào Cai, nguồn nước cung cấp cho Nhà máy tuyển đồng Sin Quyền chủ yếu lấy từ suối Ngòi Phát, Bát Xát; nguồn nước cung cấp cho Nhà máy Luyện đồng Lào Cai từ nhà máy nước khu vực xã Xuân Giao (cung cấp cho Nhà máy 1) và từ suối Pồ Cũ xã Bát Xát (cung cấp cho Nhà máy 2), với lượng nước sử dụng như sau:

a. Nhà máy tuyển đồng Sin Quyền:	
Tổng lượng nước sử dụng cho dây chuyền công nghệ	13.056.235 m ³
<i>Trong đó</i>	
+ Lượng nước bổ sung	3.916.870 m ³
+ Lượng nước tuần hoàn (tỷ lệ thu hồi nước ~70%)	9.139.365 m ³
b. Nhà máy Luyện đồng Lào Cai:	
Tổng lượng nước sử dụng cho dây chuyền công nghệ	758.622 m ³
<i>Trong đó</i>	
- Tại Nhà máy Luyện đồng số 1:	
Tổng lượng nước sử dụng cho dây chuyền công nghệ	171.622 m ³
+ Lượng nước bổ sung	17.163 m ³
+ Lượng nước tuần hoàn (tỷ lệ thu hồi nước ~90%)	154.459 m ³
- Tại Nhà máy Luyện đồng số 2:	
Tổng lượng nước sử dụng cho dây chuyền công nghệ	587.000 m ³
+ Lượng nước bổ sung	58.700 m ³

+ Lượng nước tuần hoàn (tỷ lệ thu hồi nước ~90%)	528.300 m ³
c. <i>Tổng lượng nước Công ty mẹ - Tổng công ty sử dụng:</i>	13.814.857 m ³
<i>Trong đó</i>	
+ Lượng nước bổ sung	3.992.733 m ³
+ Lượng nước tuần hoàn tái sử dụng	9.822.124 m ³

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Năm 2025, các đơn vị trong Tổng công ty đã cơ bản thực hiện và tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. *Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:*

Năm 2025, tổng số lao động bình quân trong Công ty mẹ - Tổng công ty là 2.780 người, tiền lương bình quân 22,973 triệu đồng/người/tháng.

b. *Chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:*

Chi tiết đã trình bày tại mục 2.5.2, phần II.

c. *Hoạt động đào tạo người lao động:*

Thực hiện kế hoạch đào tạo năm 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 134/QĐ-VIMICO ngày 13/02/2025; Năm 2025 Tổng công ty tổ chức đào tạo các lớp công nhân kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò và Cơ điện mỏ hầm lò, cung cấp nguồn lao động cho Dự án hầm lò Vi kềm; theo đó Tổng công ty phối hợp với Trường Cao đẳng nghề TKV tổ chức tuyển sinh và đào tạo 02 lớp CNKT khai thác mỏ hầm lò và 01 lớp CNKT Cơ điện mỏ hầm lò với tổng số 114 người (trong đó CNKT hầm lò 80 người, Cơ điện mỏ hầm lò 34 người).

Chú trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ lý luận chính trị, năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ, lãnh đạo, chuyên môn nghiệp vụ các lĩnh vực gồm: Bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ phòng, ban quản lý các đơn vị và Cơ quan Tổng công ty theo chương trình đào tạo của TKV, cụ thể: 02 cán bộ quản lý từ Công ty con được đào tạo theo chương trình đào tạo Tiếng Anh và Quản trị doanh nghiệp mở hiện đại khóa 2024 -2025 Tại Australia, phối hợp với Trường Quản trị kinh doanh thực hiện các chương trình đào tạo theo kế hoạch TKV với tổng số 43 lớp, hơn 299 lượt người tham gia. Bên cạnh đó, việc tự đào tạo cũng được lãnh đạo Tổng công ty đặc biệt quan tâm, cụ thể: trong năm qua Tổng công ty đã tổ chức thực hiện tự đào tạo với 03 lớp với tổng số người trên 380 lượt người. Tổng kinh phí cho công tác đào tạo năm 2025: 5,6 tỷ đồng (bao gồm chi phí cho các khóa đào tạo chuyên môn, thi nâng bậc, và các lớp huấn luyện an toàn lao động. Các khoản chi này được phân bổ hợp lý cho từng đơn vị và từng loại hình đào tạo, bảo đảm hiệu quả cao nhất).

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Trong năm 2025 Tổng công ty đã tích cực tham gia và thực hiện tốt hoạt động an sinh xã hội. Vận động NLĐ đóng góp xây dựng các quỹ từ thiện (Quỹ mái ấm công đoàn, Quỹ phụ nữ nghèo). Tổng công ty trích từ chi phí, từ quỹ khen thưởng, từ quỹ phúc lợi ủng hộ địa phương, đơn vị, gia đình người lao động khó khăn; tặng quà, hỗ trợ gia đình thương binh, gia đình liệt sỹ, ủng hộ các tổ chức, hội tại địa phương; ... Tổng số tiền chi cho công tác an sinh xã hội năm

2025 toàn Tety là 155,079 tỷ đồng (trong đó: Tài trợ đầu tư công trình Y tế trên địa bàn tỉnh Lào Cai: 90 tỷ đồng; tài trợ kinh phí xây dựng trường học trên địa bàn tỉnh Lào Cai: 50 tỷ đồng; hỗ trợ kinh phí lập điều chỉnh mở rộng quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn 3 xã Bát Xát, Tỉnh Lào Cai: 331 triệu đồng, hỗ trợ kinh phí sửa chữa nhà văn hóa cộng đồng khu dân cư xã Trịnh Tường, tỉnh Lào Cai: 260 triệu đồng; hỗ trợ kinh phí xây dựng đèn chiếu sáng và đèn hoa trang trí tượng đài Bác Hồ tại mỏ thiếc Tĩnh Túc, Cao Bằng: 500 triệu đồng)...

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

(Chi tiết đã được nêu tại Khoản 1, mục II Báo cáo này)

1.2. Những việc đã làm được:

- Trên cơ sở kế hoạch SXKD năm 2025 được TKV phê duyệt, Tổng công ty đã chỉ đạo điều hành các đơn vị căn cứ vào tình hình thực tế sau xây dựng chi tiết kế hoạch điều hành đảm bảo đạt lợi nhuận theo kế hoạch TKV giao. tập trung chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao năng suất lao động, tăng thực thu khoáng sản có ích, giảm hao hụt, thất thoát tài nguyên; thực hiện quản trị chặt chẽ, tiết kiệm và hiệu quả chi phí ở tất cả các khâu từ khai thác, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm; chủ động chuẩn bị đầy đủ nguyên, nhiên liệu phục vụ sản xuất, bảo đảm duy trì hoạt động ổn định, liên tục của các dây chuyền.

- Tổng công ty tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, chỉ đạo trực tiếp tại hiện trường, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các đơn vị trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư, quản trị tài nguyên - trữ lượng, kiểm soát chất lượng sản phẩm, công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường và phục hồi môi trường sau khai thác..., góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo đảm phát triển bền vững của Tổng công ty.

- Tập trung nguồn lực thực hiện các hạng mục đầu tư theo kế hoạch đã được duyệt; chú trọng các dự án đầu tư duy trì phục vụ sản xuất và Công tác chuẩn bị đầu tư của dự án khai thác nguyên liệu;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, điều hành phù hợp với điều kiện và diễn biến thực tế trong quá trình triển khai các dự án đầu tư, các Đề án thăm dò bổ sung nâng cấp trữ lượng, cũng như công tác quản trị chi phí, công tác ATMT.

- Kịp thời điều chỉnh kế hoạch điều hành đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế, hiệu quả và đạt mục tiêu chung. Đã ban hành chỉ tiêu tăng trưởng cho các đơn vị trong năm 2025, đồng thời chỉ đạo các đơn vị cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu tăng trưởng được Tập đoàn giao.

- Đã điều hành thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao các chỉ tiêu KTKT các công đoạn sản xuất, tiết giảm chi phí để hạ giá thành sản phẩm.

- Phối hợp thực hiện chương trình tự động hóa, tin học hóa và chuyển đổi số trong quản lý sản xuất nhằm xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu liên thông từ đó hỗ trợ công tác quản lý, điều hành sản xuất đạt hiệu quả cao, nhanh chóng, chính xác.

- Đã triển khai thực hiện một số giải pháp để thích ứng với biến động về số

lượng và chất lượng đối với nguyên liệu đầu vào của các nhà máy luyện kim.

1.3. Tồn tại, hạn chế:

* Triển khai các dự án đầu tư trọng điểm chậm tiến độ

- Đối với dự án Mở rộng năng công suất mỏ đồng Sin Quyền: Vimico đã phê duyệt dự án, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và tổ chức triển khai thực hiện một số gói thầu để bảo đảm điều kiện khởi công, tuy nhiên do vướng mắc trong việc xin cấp giấy phép khai thác mỏ nên chưa kịp khởi công theo kế hoạch.

- Đối với Dự án đầu tư khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rủa, khối lượng công việc chính cần thực hiện đối với dự án là công tác đền bù GPMB. Trong năm 2025, Công ty Gang thép Cao Bằng đã tích cực phối hợp các bên để triển khai, song tiến độ triển khai công tác đền bù GPMB còn chậm.

* Trong năm, mặc dù Tổng công ty và Chi nhánh mỏ tuyển đồng Sin Quyền có nhiều nỗ lực trong điều hành sản xuất tại mỏ Sin Quyền, tuy nhiên tiến độ triển khai Dự án mở rộng xuống sâu mỏ đồng Sin Quyền chậm tiến độ.

* Về điều kiện khai thác mỏ tại các đơn vị gặp nhiều khó khăn: Tài nguyên khoáng sản một số mỏ giảm, việc phát triển dự án khai thác mỏ mới gặp nhiều khó khăn.

2. Tình hình tài chính và những đánh giá về tài chính: (số liệu chi tiết tại Khoản 4, Mục II Báo cáo này)

Năm 2025, do giá bán các sản phẩm chủ yếu của Tổng công ty tăng cùng với việc quản trị chi phí hiệu quả, kết quả SXKD hoàn thành vượt mức KH ĐHCĐ đã thông qua nên tình hình tài chính của Tổng công ty tương đối tốt.

a) Tình hình tài sản:

Tổng tài sản toàn Tổng công ty tăng 257.427 trđ so với số đầu năm, trong đó: tài sản ngắn hạn tăng 1.218.980 trđ; tài sản dài hạn giảm 961.553 trđ.

Tài sản ngắn hạn tăng do: Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 292.019 trđ; Đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 81.919 trđ; Các khoản phải thu ngắn hạn tăng: 849.502 trđ, trong đó chủ yếu là tăng phải thu của khách hàng: 783.664 trđ; phải thu ngắn hạn khác tăng 86.502 trđ; tài sản ngắn hạn khác tăng 42.628 trđ; Hàng tồn kho giảm 47.088 trđ.

Tài sản dài hạn giảm chủ yếu là do: giảm Tài sản cố định 724.686 trđ (tính khấu hao, hao mòn trong kỳ); chi phí đầu tư xây dựng cơ bản giảm: 75.191 trđ; giảm tài sản dài hạn khác (chủ yếu là chi phí trả trước dài hạn) 182.423 trđ. Tăng các khoản phải thu dài hạn khác (ký quỹ ký cược) 20.748 trđ.

b) Tình hình nợ phải trả:

*** Nợ phải trả ngắn hạn:**

Số dư nợ phải trả ngắn hạn toàn Tổng công ty tại ngày 31/12/2025 là: 3.520.570 trđ, giảm so với số đầu năm 780.279 trđ, trong đó chủ yếu do:

- Vay và nợ tài chính ngắn hạn giảm:	894.929 trđ.
- Phải trả cho người bán giảm:	73.091 trđ.
- Người mua trả tiền trước giảm:	10.092 trđ.
- Chi phí phải trả ngắn hạn giảm:	9.453 trđ.
- Thuê và các khoản phải nộp tăng:	106.375 trđ.
- Phải trả người lao động tăng:	42.809 trđ.

- Phải trả ngắn hạn khác tăng: 31.773 trđ.

* *Nợ phải trả dài hạn:*

Số dư nợ dài hạn toàn Tổng công ty tại ngày 31/12/2025 là: 847.499 trđ, giảm so với số đầu năm là 452.419 trđ, trong đó: giảm vay và nợ thuê tài chính dài hạn: 454.289 trđ; giảm dự phòng phải trả dài hạn: 275 trđ, giảm Quỹ phát triển khoa học và công nghệ: 4.356 trđ; Thuế thu nhập hoãn lại phải trả tăng 6.411 trđ.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2025, Tổng công ty tiếp tục xây dựng và ban hành các quy chế, quy định quản lý nội bộ phù hợp với các quy định của pháp luật, của TKV, phù hợp với Điều lệ và mô hình quản lý thực tế của Tổng công ty.

Tiếp tục rà soát, đào tạo, lao động cho Dự án khai thác mỏ hầm lò Vi Kẽm tại Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

4.1. Các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:

- Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tổng công ty: 13.841 tỷ đồng. Trong đó Doanh thu Công ty mẹ: 10.099 tỷ đồng.

- Lợi nhuận: 2.042 tỷ đồng, trong đó: Công ty mẹ: 1.984 tỷ đồng.

- Nộp ngân sách: 1.880 tỷ đồng.

- Tổng số lao động bình quân: 5.142 người, trong đó: Công ty mẹ: 2.812 người.

- Thu nhập bình quân: 17,261 tr.đ/ng/tháng KH.

- Các chỉ tiêu khai thác chủ yếu:

+ Mỏ đồng Sin Quyền: Khối lượng đất đá: 20,5 triệu m³; Quặng nguyên khai: 2,05 triệu tấn.

+ Mỏ đồng Vi Kẽm: Quặng khai thác: 250.000 tấn; Đào lò CBSX: 6.230 mét.

- Đầu tư xây dựng cơ bản: 750 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ là 469,77 tỷ đồng

- Tỷ lệ cổ tức: $\geq 15\%$

4.2. Các sản phẩm chủ yếu sản xuất - tiêu thụ:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Sản xuất	Tiêu thụ
1	Tinh quặng đồng 25%Cu	Tấn	88.796	
	- Trong đó, Công ty mẹ - Tcty	"	88.122	
2	Tinh quặng sắt	Tấn	223.130	210.724
	- Trong đó, Công ty mẹ - Tcty	"	139.270	130.674
3	Đồng cathode	Tấn	30.000	30.000
4	Vàng thỏi	Kg	940	938
	- Trong đó, Công ty mẹ - Tcty	"	939	937
5	Bạc thỏi	Kg	2.995	2.995
6	Axit sulfuric	Tấn	128.726	134.328
	- Trong đó, Công ty mẹ - Tcty	"	117.319	117.319

5. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty:

5.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng

lượng, phát thải...):

Tổng công ty Khoáng sản - TKV luôn xác định công tác bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai là nhiệm vụ trọng tâm, gắn với mục tiêu hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2025. Các đơn vị trong Tổng công ty thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về môi trường như tăng cường kiểm soát khí thải, nước thải, chất thải rắn, vận hành ổn định hệ thống xử lý và quan trắc tự động, duy trì vệ sinh công nghiệp, phân loại chất thải và tuân thủ đầy đủ quy trình BVMT.

Tổng công ty Khoáng sản - TKV luôn chấp hành nghiêm túc các quy định về bảo vệ môi trường, trong năm 2025 các đơn vị trong Tổng công ty không bị vi phạm, xử phạt về lĩnh vực môi trường.

- Tổng công ty thực hiện 36 cuộc kiểm tra toàn diện công tác AT-VSLĐ, BVMT, PCCC, PCTT, an toàn đập bãi thải/hồ thải, đảm bảo an toàn các mục tiêu tại các đơn vị sản xuất, kiểm tra việc triển khai thực hiện Nghị quyết liên tịch, phúc tra kết quả triển khai thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của các đoàn thanh kiểm tra các cấp. Lãnh đạo Tổng công ty và các phòng chuyên môn thường xuyên kết hợp kiểm tra, chỉ đạo sản xuất với kiểm tra, đôn đốc công tác AT-VSLĐ, BVMT, PCCC, PCTT. Qua công tác kiểm tra đã kịp thời chấn chỉnh việc thực hiện nghiêm túc các quy định BVMT, biện pháp đảm bảo AT-VSLĐ tại các đơn vị.

5.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến người lao động. Đảm bảo được công việc, tiền lương, chế độ chính sách và chế độ đãi ngộ khác cho người lao động. Ban hành bổ sung các quy chế, quy định liên quan đến người lao động theo đúng quy định của pháp luật và điều kiện SXKD thực tế của Tổng công ty.

5.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Chấp hành đúng quy định của các địa phương về các vấn đề hỗ trợ cộng đồng.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY:

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

HĐQT Tổng công ty hiện nay gồm có 05 thành viên là:

- | | |
|------------------------|---------------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Văn Hải | - Chủ tịch HĐQT Tổng công ty; |
| 2. Ông Trịnh Văn Tuệ | - TV HĐQT - Tổng Giám đốc; |
| 3. Ông Đặng Đức Hưng | - Thành viên HĐQT chuyên trách; |
| 4. Ông Ngô Quốc Trung | - Thành viên HĐQT, Phó TGĐ; |
| 5. Ông Nguyễn Văn Thái | - Thành viên HĐQT độc lập. |

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

2.1. Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2025:

HĐQT đã tuân thủ pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản - TKV để triển khai thực hiện đầy đủ nội dung Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Với trách nhiệm quản lý mọi mặt hoạt động SXKD của Tổng công ty,

HĐQT đã quản lý, chỉ đạo điều hành linh hoạt, thực hiện đúng vai trò quản lý, giám sát và đưa ra nhiều chủ trương, biện pháp hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi để Ban điều hành, bộ máy giúp việc, Người đại diện của Tổng công ty tại các công ty quản lý, điều hành đúng định hướng, đạt kết quả.

Trong năm 2025, HĐQT Tổng công ty đã tổ chức 01 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, 49 phiên họp HĐQT và ban hành 219 nghị quyết. HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy chế làm việc, ngoài ra còn tổ chức các cuộc họp đột xuất để giải quyết công việc theo yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Các cuộc họp đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp, HĐQT thông qua với các nội dung chủ yếu sau:

- Ban hành, sửa đổi, bổ sung một số Quy chế, Quy định quản lý nội bộ làm cơ sở cho việc quản lý điều hành của Tổng công ty và kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

- Phê duyệt/thông qua các kế hoạch SXKD, ĐTXD,... để ban điều hành triển khai thực hiện.

- Tập trung chỉ đạo và đưa ra các giải pháp hợp lý, tăng cường quản trị, giám sát bộ máy quản lý.

- Trong công tác đầu tư đã tập trung chỉ đạo, huy động mọi nguồn lực, biện pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu Tổng công ty. Thực hiện công tác phát triển nguồn nhân lực, thực hiện thành công một số mục tiêu chính trong Đề án tái cơ cấu về xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và CNKT trình độ cao.

- Thông qua nhân sự để Tổng Giám đốc Tổng công ty bổ nhiệm các cán bộ quản lý các phòng, ban, đơn vị trong Tổng công ty theo thẩm quyền.

Tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, các thành viên đều nêu cao tinh thần trách nhiệm, tham gia và/hoặc có ý kiến tham gia đầy đủ tất cả các phiên họp hoặc có ý kiến bằng văn bản theo yêu cầu. Theo lĩnh vực được phân công, các thành viên đều hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao, phát huy khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ một cách trung thực, cân trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Tổng công ty. HĐQT đồng thuận khi thông qua các Nghị quyết, quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển, các chủ trương lớn nhằm kịp thời giải quyết công việc, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong hoạt động SXKD đúng với quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động SXKD của Tổng công ty và quy định của pháp luật.

Trong các cuộc họp của HĐQT luôn mời Trưởng Ban kiểm soát tham dự và có ý kiến phát biểu, đồng thời trong một số nội dung cụ thể đều mời cán bộ quản lý, người có liên quan, người tư vấn,... tham gia để thảo luận, quyết định phù hợp với tình hình thực tế. Đặc biệt, ngoài các cuộc họp chính thức, các TVHĐQT đã phối hợp chặt chẽ, tăng cường trao đổi và tiếp thu ý kiến của ban Kiểm soát về các mặt quản lý, chương trình công tác. Ngoài việc duy trì nề nếp họp HĐQT theo định kỳ, hàng quý, tháng HĐQT đều có các buổi giao ban với Ban điều hành, các đoàn thể CTXH. Thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động SXKD của các công ty con, đơn vị trực thuộc để nắm bắt tình hình và định hướng

chỉ đạo kịp thời.

Thù lao của các TV HĐQT thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2.2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Tổng công ty:

HĐQT thống nhất với báo cáo đánh giá của BGD về kết quả hoạt động SXKD năm 2025 của Tổng công ty như đã trình bày ở phần trên. Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn thách thức, nhưng đội ngũ CBCNV Tổng công ty đã đoàn kết, gắn bó, có nhiều cố gắng trong SXKD, triển khai nhiều giải pháp đồng bộ trong quản lý, điều hành.

Kết thúc năm 2025, lợi nhuận của Tổng công ty vượt kế hoạch

2.3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc:

Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát Ban điều hành theo quy định tại Điều lệ của Tổng công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định phân cấp ủy quyền của HĐQT,...

Các Nghị quyết của HĐQT giao cho Ban điều hành thực hiện đều được HĐQT đôn đốc, kiểm tra. Hàng quý, HĐQT đều tổ chức họp giao ban liên tịch giữa HĐQT và cơ quan điều hành, Chủ tịch HĐQT trực tiếp tham gia các cuộc họp quan trọng để kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Tổng công ty, chỉ đạo xây dựng kế hoạch, điều chỉnh các chỉ tiêu sản xuất cho phù hợp với tình hình từng giai đoạn. Mỗi quan hệ quản trị - điều hành doanh nghiệp giữa HĐQT và Cơ quan điều hành Tổng công ty luôn phối hợp chặt chẽ và thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ và các Quy chế về quản trị công ty.

Chỉ đạo thực hiện công tác kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính theo quy định, phục vụ kịp thời cho các quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ.

Qua giám sát hoạt động của Ban điều hành cho thấy: phần lớn cán bộ điều hành đều có đủ năng lực, đủ sức khỏe, có phẩm chất đạo đức đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên việc kiểm tra, hướng dẫn, đào tạo nhân viên cấp dưới đôi lúc chưa hoàn thành tốt công việc được giao, một số việc chậm tiến độ, phát sinh chi phí còn nhiều,...

3. Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2026:

Nhận định năm 2026 và những năm tới, kinh tế vĩ mô đối mặt với nhiều thách thức, sức ép lạm phát lớn, giá xăng, dầu, nguyên vật liệu đầu vào biến động mạnh; công tác giải phóng mặt bằng tiếp tục khó khăn; điều kiện khai thác tại đa số các đơn vị khó khăn hơn; máy móc thiết bị xuống cấp; thiếu nguyên liệu để sản xuất cho Tổ hợp gang thép Cao Bằng;... nên hoạt động SXKD năm 2026 trong toàn Tổng công ty chắc chắn vẫn có nhiều thách thức.

Để hoàn thành nhiệm vụ SXKD năm 2026, HĐQT Tổng công ty tập trung ưu tiên chỉ đạo các mặt hoạt động sau:

1. Chỉ đạo tổ chức thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2025, hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu của KHSX năm 2026 và các nhiệm vụ chính trong quản lý SXKD, như trong các Báo cáo đã trình bày trước đại hội.

2. Tăng cường công tác dự báo và quản lý rủi ro: Phân tích dữ liệu và dự báo chính xác các yếu tố ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh để lập kế hoạch ứng phó kịp thời với các tình huống bất ngờ như biến động giá nguyên liệu, khủng hoảng

tài chính, hoặc thay đổi chính sách kinh tế.

3. Tăng cường giám sát, chỉ đạo bộ máy quản lý điều hành thực hiện công tác sản xuất kinh doanh, ĐTXD, ATMT của Tổng công ty với mục tiêu tăng năng suất lao động, hiệu quả và lợi nhuận. Chỉ đạo thực hiện tốt các chỉ tiêu tài chính năm 2026, tăng cường quản trị dòng tiền và quản trị rủi ro tài chính là ưu tiên hàng đầu để đảm bảo sự an toàn trong hoạt động SXKD.

4. Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị xã hội của Tổng công ty để phát huy sức mạnh tổng hợp trong quá trình SXKD vì mục tiêu phát triển Tổng Công ty, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động xây dựng Tổng công ty ngày càng phát triển;

5. Nâng cao hiệu quả đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp. Nâng cao năng lực, trách nhiệm của Người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty ở các doanh nghiệp mà Tổng công ty có vốn góp, giảm và từng bước tháo gỡ khó khăn cho các đơn vị để khắc phục tình trạng giám sát đặc biệt.

6. Chỉ đạo thực hiện và tổ chức giám sát tốt việc thực hiện đầu tư các dự án trọng điểm về tuân thủ chính sách pháp luật trong đầu tư và tiến độ, chất lượng đầu tư. Tổ chức thực hiện các nội dung về các dự án dở dang, quyết toán vốn đầu tư, xử lý tồn đọng về tài chính, tài sản, thu hồi công nợ nội bộ, công nợ phải thu của các khách hàng và các khoản công nợ tồn đọng khác.... của các công ty con, đơn vị trực thuộc theo nghị quyết của HĐQT đã ban hành.

7. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm đảm bảo hiệu quả SXKD toàn Tổng công ty. Sử dụng các công nghệ số, trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa quy trình sản xuất và quản lý.

8. Tập trung thực hiện công tác phát triển lực lượng lao động chất lượng cao, gắn bó và đồng hành lâu dài cùng Tổng công ty dựa trên nhiều chính sách đào tạo, phát triển, thu hút, đãi ngộ cạnh tranh.

9. Chuẩn bị các nguồn lực cho năm 2026 và các năm tiếp theo, đặc biệt là nguồn lực về tài nguyên khoáng sản và khẩn trương triển khai Dự án mở rộng và nâng công suất mỏ đồng Sin Quyền.

10. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng các cuộc họp của Hội đồng quản trị, nâng cao hơn trách nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình.

11. Tiếp tục xây dựng hệ thống văn bản quản lý phù hợp với quy định của Pháp luật và tình hình thực tế của Tổng công ty. Chỉ đạo rà soát, sửa đổi và ban hành các quy chế, quy định theo thẩm quyền để ban hành thực hiện thống nhất trong toàn Tổng công ty.

12. Thực hiện Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 68/2025/QH15), HĐQT chỉ đạo rà soát chặt chẽ tư cách công ty đại chúng của Tổng công ty. Theo yêu cầu của UBCKNN tại Công văn số 1474/UBCK-GSĐC, Tổng công ty đang phối hợp với Tập đoàn TKV để xây dựng kế hoạch chi tiết về cơ cấu cổ đông năm 2026 nhằm đảm bảo Tổng công ty đáp ứng đầy đủ các điều kiện về vốn và số lượng cổ đông theo quy định pháp luật, đảm bảo tính liên tục trong việc niêm yết/dăng ký giao

dịch và bảo vệ tối đa lợi ích của quý cổ đông.

13. Tăng cường giám sát, kiểm tra các đơn vị thực hiện tốt công tác an toàn môi trường, phòng chống thiên tai, an ninh trật tự,...;

V. QUAN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: Đã nêu tại mục 2 Phần II.

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị đã họp 49 cuộc họp Hội đồng quản trị, 219 nội dung và kết quả của các cuộc họp đã ban hành được 219 nghị quyết.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Đã nêu tại mục 2 Phần II.

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm 2025 BKS đã tổ chức các cuộc họp định kỳ với tỷ lệ tham dự họp, làm việc của từng thành viên đạt 100%, số cuộc họp năm 2025 là **12 cuộc** (phù hợp với Điều lệ của Tổng công ty và Quy chế của BKS) để làm việc cụ thể, tổng kết các công việc đã thực hiện và lập kế hoạch cho kỳ tiếp theo và báo cáo kiến nghị phù hợp.

- Ngoài ra BKS tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị giao ban điều hành và một số cuộc họp theo chuyên đề để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Giám đốc Tổng công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

* Thực hiện 2025

(1) Tiền lương của Người quản lý Tổng công ty chuyên trách.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH năm 2025	TH năm 2025
1	Tổng giám đốc	01	720.000.000	864.000.000
2	Phó Tổng giám đốc	05	3.240.000.000	3.110.400.000
3	Kế toán trưởng	01	600.000.000	720.000.000
	Tổng cộng	07	4.560.000.000	4.694.400.000

(2) Tiền lương của TV HĐQT, Trưởng BKS chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH năm 2025	TH năm 2025
1	TV HĐQT	01	648.000.000	777.600.000
2	TB kiểm soát	01	672.000.000	806.400.000
	Tổng cộng	02	1.320.000.000	1.584.000.000

(3) Phụ cấp TV HĐQT độc lập

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH 2025	TH năm 2025
1	TV HĐQT độc lập	01	324.000.000	324.000.000
	Cộng	01	324.000.000	324.000.000

Hình thức chi: VIMICO chi trả trực tiếp.

(4) **Thù lao của TV HĐQT, Thành viên Ban KS không chuyên trách:** chi trả bằng 20% mức tiền lương thực hiện. (Đối với Người đại diện của TKV chi trả bằng 20% mức lương cơ bản)

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH năm 2025	TH năm 2025
1	CT HĐQT	01	74.400.000	74.400.000
2	TV HĐQT	02	129.600.000	129.600.000
3	TV kiểm soát	02	129.600.000	129.600.000
	Cộng	05	333.600.000	333.600.000

Hình thức chi:

- Chuyển về TKV đối với thù lao của người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương của TKV.

- VIMICO trực tiếp trả thù lao đối với người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương trực tiếp của VIMICO.

*Kế hoạch 2026

(1) Tiền lương của Người quản lý Tổng công ty chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương tháng	Tiền lương năm
1	Tổng giám đốc	01	58.080.000	696.960.000
2	Phó Tổng giám đốc	04	52.280.000	2.509.440.000
3	Kế toán trưởng	01	48.400.000	580.800.000
	Tổng cộng	06		3.787.200.000

(2) Tiền lương của TV HĐQT, Trưởng BKS chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương tháng	Tiền lương năm
1	TV HĐQT	01	52.280.000	627.360.000
2	TB Kiểm soát	01	54.210.000	650.520.000
	Cộng	02		1.277.880.000

Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

(3) Thù lao của Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT, Thành viên BKS không chuyên trách, tính bằng 20% mức lương cơ bản.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Tiền lương tháng	Số người	Tỷ lệ	Thù lao tháng	Thù lao năm
1	Chủ tịch HĐQT	31.000.000	01	20%	6.200.000	74.400.000
2	Thành viên HĐQT	27.000.000	02	20%	5.400.000	129.600.000
3	Thành viên BKS	27.000.000	02	20%	5.400.000	129.600.000
	Cộng		05			333.600.000

Quỹ thù lao thực hiện được xác định trên cơ sở số TV HĐQT, BKS không chuyên trách thực tế tại các thời điểm trong năm, thời gian làm việc và mức thù lao (tính theo tháng) do Tổng công ty xác định **tối đa bằng 20% mức tiền lương cơ bản** của TV chuyên trách.

(4) **Phụ cấp của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập:** được xác định trên cơ sở mức lương cơ bản áp dụng cho Thành viên HĐQT chuyên trách, đồng thời được điều chỉnh tăng thêm với hệ số 0,2 lần mức lương cơ bản.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương tháng	Tiền lương năm
1	TV HĐQT độc lập	01	32.400.000	388.800.000
	Cộng	01		388.800.000

Phụ cấp TV HĐQT độc lập chi trả bằng TM/CK vào ngày 05 đến 10 hàng tháng và hạch toán vào chi phí SXKD Công ty mẹ Tổng công ty năm 2026.

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Có.

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Có.

d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Năm 2025, Tổng công ty đã thực hiện tốt công tác quản trị công ty, đã có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế lành mạnh, tạo nên sự hài hòa của một loạt các mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, các cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan, từ đó tạo nên định hướng và sự kiểm soát Tổng công ty. Thúc đẩy hoạt động và tăng cường khả năng tiếp cận của Tổng công ty với các nguồn vốn bên ngoài, góp phần tích cực vào việc tăng cường giá trị Tổng công ty, giảm thiểu rủi ro, tăng cường đầu tư và phát triển bền vững cho Tổng công ty. Thực hiện tốt các quy định: Trách nhiệm của HĐQT và Ban Kiểm soát; công khai và minh bạch thông tin; quyền lợi giữa người quản lý, hội đồng quản trị và cổ đông khác; vai trò của các tổ chức kiểm toán độc lập; chính sách đãi ngộ với các nhà quản lý; việc thực thi các điều khoản luật và hợp đồng...

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH: Báo cáo Tài chính năm 2025 của Tổng công ty đã được công bố thông tin theo quy định.

Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo thường niên năm 2025 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP. *km*

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trịnh Văn Tuệ

(C.P.A.)